

Biểu mẫu 18

BỘ Y TẾ

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO THỰC TẾ CỦA HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành
Năm học 2023 - 2024

1. NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
I. NĂM THỨ 6 (Khoa 2018-2024)					
1	Tác phẩm kinh điển YHCT VN	<p>* Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none">- Hiểu được thân thế, sự nghiệp, quan điểm điều trị bệnh của các y gia trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam.- Hiểu được các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam <p>* Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none">- Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam. <p>* Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none">Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.	2,0	6	Thi cuối kỳ: Kết quả đạt là không dưới 4/10 điểm (điểm đánh giá là điểm thi trắc nghiệm lý thuyết).
2	Tác phẩm kinh điển YHCT TQ	<p>* Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none">- Hiểu được thân thế, sự nghiệp, quan điểm điều trị bệnh của các y gia trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc.	2,0	6	Thi cuối kỳ: Kết quả đạt là không dưới 4/10 điểm (điểm đánh giá là điểm thi trắc nghiệm lý thuyết).

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Bệnh học và điều trị Nội YHCT	<p>- Hiểu được các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc</p> <p>* Kỹ năng</p> <p>- Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc.</p> <p>* Thái độ:</p> <p>Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.</p>	9,0	6	<p>* Chỉ tiêu đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Thang điểm 10 - Lâm sàng: Thi lâm sàng tại bệnh phòng. Thang điểm 10 <p>Thực hiện các chỉ tiêu lâm sàng: làm đủ bệnh án điều kiện 02 bệnh án/tuần</p> <p>Đánh giá theo bảng kiểm.</p> <p>* Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm thi kết thúc học phần: Thi tự luận - Điểm thi lâm sàng: vấn đáp trên bệnh nhân, bệnh án. <p>* Phương pháp tính điểm môn học:</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Quy nạp chứng hậu chứng trạng đúng để chẩn đoán và đưa ra pháp, phương điều trị thể bệnh của BN theo YHCT. Lựa chọn phương pháp Điều trị kết hợp YHCT và YHHH phù hợp với từng bệnh nhân. - Làm thành thạo một số kỹ thuật điều trị bằng YHCT (điện châm, xoa bóp, cứu ngải, giác hơi...), thực hiện kê đơn thuốc an toàn, hiệu quả khi phối hợp YHCT và YHHH. - Làm thành thạo bệnh án gồm 2 phần YHHH, YHCT - Tư vấn, hướng dẫn, giao tiếp với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân hiệu quả. <p>* Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện sự tôn trọng của người bệnh, cơ thể người bệnh qua lời nói và hành vi - Thể hiện tốt tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin. 			$\text{Điểm TKMH} = (\text{Điểm TKLT} * 2 + \text{Điểm TKLS}) / 3$
4	Bệnh học và điều trị Ngoại YHCT	<p>* Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của một số chứng bệnh ngoại khoa YHCT thường gặp trên lâm sàng - Trình bày được triệu chứng, biện chứng luận trị, chẩn đoán các bệnh ngoại khoa YHCT - Trình bày được nguyên tắc và các phương pháp điều trị kết hợp giữa YHHH và YHCT một số chứng bệnh ngoại khoa YHCT thường gặp trên lâm sàng <p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra được chỉ định cận lâm sàng một số chứng bệnh ngoại khoa thường gặp trên lâm sàng 	5,0	6	<p>Áp dụng thang điểm 10, sau đó quy về thang điểm 4; Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm lâm sàng (Điểm đánh giá quá trình lâm sàng) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).</p> <p>Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phân lý thuyết X 2.0)/3</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	Bệnh học và điều trị Phụ sản YHCT	<ul style="list-style-type: none"> - Khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh ngoại khoa thường gặp bằng YHCT kết hợp YHHĐ * Thái độ: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. chẩn đoán các bệnh sản phụ khoa thông thường; - Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khoẻ sinh sản toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường; - Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng; - Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh; - Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khoẻ, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; * Thái độ: - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ. 	5,0	6	<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>thi trắc nghiệm: 100%</p> <p>Điểm học phần/ môn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm lý thuyết: Thi trắc nghiệm Điểm đạt: > 4.0 - Điểm lâm sàng: Hỏi thi lâm sàng Điểm đạt: > 6.0 <p>Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Bệnh học và điều trị Nhi YHCT	<p>* Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> Nắm được đặc điểm trẻ em theo quan điểm của YHCT, nắm được các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT Có kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ <p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Có kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi; có kỹ năng vận dụng được vọng vấn vấn thiết trong thăm khám, biện chứng luận trị, chẩn đoán bệnh nhi; có kỹ năng dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị, chăm sóc và phòng bệnh một số bệnh thường gặp. <p>* Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nghiêm túc, tích cực, chăm chỉ trong học tập, tự nghiên cứu, tự học. 	5,0	6	<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>* Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> Điểm đánh giá quá trình: + Điểm chuyên cần + Lâm sàng: 33.3% Điểm thi kết thúc học phần/mô đun Trắc nghiệm trên máy tính/tự luận/ báo cáo tiểu luận: 66.7% <p>* Điểm học phần/ mô đun</p> <p>Điểm học phần là điểm trung bình của điểm lâm sàng và thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ) tính theo trọng số điểm.</p> <p>Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.</p>
7	Bệnh học và điều trị Lão YHCT	<p>* Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Trình bày được đặc điểm tâm lý, sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi. 	5,0	6	<p>Hình thức thi hết môn: Thi Test</p> <p>Hình thức thi lâm sàng: Vấn đáp</p> <p>Áp dụng thang điểm 10</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT</p> <p>* Kỹ năng:</p> <p>- Thực hiện được kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân cao tuổi</p> <p>- Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.</p> <p>- Chẩn đoán đúng và đưa ra phác đồ điều trị thích hợp một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.</p> <p>* Thái độ:</p> <p>- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.</p> <p>- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;</p> <p>- Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền</p> <p>- Trung thực, khách quan, có tinh thần học tập nâng cao trình độ.</p>	1,0	6	Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Trưởng mô đun thông qua):
8	Phổ biến pháp luật về hành nghề	<p>* Kiến thức:</p> <p>- Nắm được các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước về hành nghề khám chữa bệnh.</p> <p>- Cập nhật các kiến thức mới về hành nghề</p> <p>* Kỹ năng:</p> <p>Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu; ý thức chủ động tìm hiểu và nâng cao hiểu biết về pháp luật;</p> <p>* Thái độ:</p>	1,0	6	Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Trưởng mô đun thông qua):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thực hiện vận dụng theo đúng các văn bản của nhà nước về hướng dẫn hành nghề			<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Tham dự tối thiểu 80% giờ trên lớp - Kiểm tra – đánh giá định kỳ: Điều kiện - Thi cuối kỳ: 100% điểm lấy điểm thi kết thúc học phần, đạt điểm 4/10 trở lên. - Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có)
9	Thực tập nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh và thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu bệnh lý một số bệnh thường gặp tại Bệnh viện thực hành bảng YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ. - Lập luận được chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận định được kết quả cận lâm sàng một số bệnh thường gặp tại Bệnh viện thực hành. - Lập luận được chẩn đoán xác định, chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt một số bệnh thường gặp tại Bệnh viện thực hành bảng YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ. - Đưa ra được hướng điều trị, điều trị cụ thể một số bệnh lý thường gặp tại bệnh viện thực hành bảng YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ. 	3,0	6	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Trưởng mô đun thông qua): - Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Tham dự tối thiểu 80% giờ trên lớp - Kiểm tra – đánh giá định kỳ: Điều kiện - Thi cuối kỳ: 100% điểm lấy điểm thi kết thúc học phần, đạt điểm 4/10 trở lên. - Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Học phần CMTH/Khóa luận	<p>Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và y học lâm sàng trong thực hành chăm sóc sức khỏe. Vận dụng được y học dựa trên chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe</p> <p>Vận dụng được các kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng</p> <p>Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác các bệnh lý phổ biến và</p> <p>Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe toàn diện và hợp lý, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm. sơ , cấp cứu và điều trị được người bệnh phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ Y khoa; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả.</p> <p>Xác định được các vấn đề sức khỏe thông thường trong cộng đồng, lập kế hoạch và đề xuất các giải pháp thích hợp. Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh và người thân của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe</p> <p>Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe. Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe</p>	10,0	6	<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm lý thuyết và Điểm lâm sàng</p>
II. NĂM THỨ 5 (KHOA 2019 - 2025)					

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Chăm cứu 2	<p>* Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các phương pháp chọn và phối hợp huyết trong điều trị - Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng <p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng. - Ứng dụng được các phương pháp điều trị bằng Hào châm, cứu, điện châm, thủy châm trong điều trị các bệnh lý thường gặp <p>* Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thăm khám và điều trị cho người bệnh 	2,0	5	<p>Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm lý thuyết: Thi trắc nghiệm trên máy - Điểm thực hành/làm sáng: Hỏi thi lâm sàng và Châm bệnh án - Điểm tổng kết học phần: + Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/làm sáng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3 + Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập. + Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).
2	Lao	- Đặc điểm về vi khuẩn Lao, dịch tễ học bệnh Lao, Chương trình chống Lao quốc gia	2,0	5	<ul style="list-style-type: none"> - Thi hết môn Lý thuyết: Thi Test

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>- Điều hiện lâm sàng, chẩn đoán và hướng xử trí Lao người lớn và trẻ em, Lao ngoài phổi cũng như đặc điểm của Lao kháng thuốc</p> <p>- Biện pháp phòng bệnh Lao.</p> <p>* Kiến thức:</p> <p>Nắm được các đặc điểm về vi khuẩn Lao, dịch tễ học bệnh Lao, Chương trình chống Lao quốc gia, các biểu hiện lâm sàng, chẩn đoán và hướng xử trí Lao người lớn và trẻ em, Lao ngoài phổi cũng như đặc điểm của Lao kháng thuốc và các biện pháp phòng bệnh Lao.</p> <p>* Kỹ năng:</p> <p>Thực hiện được kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân Lao Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh thường gặp ở bệnh nhân Lao</p> <p>Đọc được đúng phim XQ bệnh lao</p> <p>Hướng dẫn được bệnh nhân cách phòng bệnh bệnh thường gặp.</p> <p>Chẩn đoán đúng và đưa ra phác đồ điều trị thích hợp một số bệnh thường gặp.</p> <p>* Thái độ:</p> <p>Thực hiện đúng qui định hiện hành của ngành y tế.</p>			<p>- Đánh giá kết quả: Dựa trên thang điểm 10.</p> <p>- Thi hết môn Lâm sàng: Hội thi lâm sàng</p> <p>- Đánh giá kết quả: Dựa trên thang điểm 10.</p> <p>- Đánh giá kết quả học phần môn học: Điểm tổng kết = (Lý thuyết x 2 + Lâm sàng)/3</p>
3	Răng hàm mặt	<p>- Kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được nguyên nhân một số bệnh RHM hay gặp</p> <p>+ Chẩn đoán được một số bệnh RHM thường gặp.</p> <p>+ Hướng xử trí một số bệnh RHM thường gặp.</p>	2,0	5	<p>- Thi cuối học phần thực hành: 50%</p> <p>- Thi cuối học phần lý thuyết: 50%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Tai mũi họng	<p>- Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được kiến thức cơ bản về Tai Mũi Họng áp dụng để khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý Tai Mũi Họng + Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, điều trị một số bệnh thường gặp.- Kỹ năng: + Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh TMH thường gặp, chỉ định và đánh giá kết quả xét nghiệm, CLS cơ bản. <p>- Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Áp dụng để khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý Tai Mũi Họng, thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của Tai Mũi Họng <p>- Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tinh chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý TMH 	2,0	5	<ul style="list-style-type: none"> - Thi cuối học phần thực hành: 50% - Thi cuối học phần lý thuyết: 50%
5	Mắt	<p>* Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các cấu tạo của cơ quan thị giác - Trình bày được triệu chứng, điều trị, cách phòng bệnh của các bệnh mắt thường gặp <p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khám và chẩn đoán được các bệnh mắt thường gặp <p>* Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự phòng các bệnh mắt cho mình 	2,0	5	<p>Áp dụng thang điểm 10, sau đó quy về thang điểm 4; mỗi bài được chấm điểm luôn luôn bao gồm các phần điểm sau: Chuẩn bị bài (30%) + Kết quả bài tập (40%) + Kỹ năng báo cáo, trình bày, vấn đáp (30%).</p> <p>Điểm thực hành (seminar) = trung bình cộng điểm của từng bài</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Tuyển truyền cho cộng đồng biết cách phòng bệnh, và đi đến đúng tuyến chuyên khoa khi bị bệnh 			<p>Thi cuối kỳ: Kết quả đạt là không dưới 4/10 điểm (1/3 điểm là trọng số điểm thực hành và 2/3 điểm là trọng số điểm lý thuyết).</p>
6	Truyền nhiễm	<p>* Mục tiêu đào tạo chung của học phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại cương: Kiến thức về truyền nhiễm YHHD - Các nguyên tắc điều trị bệnh truyền nhiễm - Một số bệnh truyền nhiễm thường gặp: Bao gồm nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, điều trị, phòng bệnh theo YHHD <p>* Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được các nguyên tắc chính trong điều trị + Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán, biện chứng luận trị bệnh truyền nhiễm + Vận dụng kiến thức đã học để kê đơn hợp lý và phân tích được đơn điều trị (dùng thuốc, không dùng thuốc, kết hợp YHHD) + Trình bày được phương pháp phòng bệnh một số bệnh truyền nhiễm hay gặp . - Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Chẩn đoán đúng, đưa ra pháp điều trị và kê được đơn thuốc phù hợp một số bệnh truyền nhiễm thường gặp . + Hướng dẫn được bệnh nhân phương pháp phòng bệnh bệnh thường gặp. 	3,0	5	<ul style="list-style-type: none"> - Thi hết môn Lý thuyết: Thi Test - Đánh giá kết quả: Dựa trên thang điểm 10. - Thi hết môn Lâm sàng: Hỏi thi lâm sàng - Đánh giá kết quả: Dựa trên thang điểm 10. - Đánh giá kết quả học phần môn học: Điểm tổng kết = (Lý thuyết x 2 + Lâm sàng)/3

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Da liễu	<p>+ Làm thành thạo bệnh án gồm 2 phần YHHĐ</p> <p>- Thái độ: Thực hiện đúng qui định hiện hành của ngành y tế.</p> <p>- Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được: Dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh những bệnh da liễu thường gặp. - Mô tả được tổn thương cơ bản, trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, của các bệnh da liễu thường gặp - Sử dụng được các nguồn tài liệu để tìm thông tin liên quan. - Về kỹ năng: - Mô tả được tổn thương cơ bản, khám, chẩn đoán được một số bệnh da liễu thường gặp. - Phân tích được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chỉ định hợp lý, điều trị chính xác, tư vấn cách phòng tránh bệnh da liễu thường gặp. - Làm thành thạo bệnh án - Về thái độ - Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức. - Tác phong chuyên nghiệp, giao tiếp ứng xử tốt. - Có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm về chuyên môn. 	2,0	5	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức thi test kết thúc học phần lý thuyết - Điểm tổng kết học phần = (Điểm lý thuyết x2 + Lâm sàng)/3
8	Phục hồi chức năng	<p>- Kiến thức:</p> <p>+ Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng</p> <p>+ Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng</p>	3,0	5	<p>Hình thức thi hết môn: Thi Test</p> <p>Hình thức thi lâm sàng: Vấn đáp</p> <p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
9	Thần kinh	<ul style="list-style-type: none"> + Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng + Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội - Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. + Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý - Thái độ: <ul style="list-style-type: none"> Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân. 	2,0	5	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Phụ trách học phần thông qua):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra - Đánh giá thường xuyên đạt trên 60% hoặc 5 điểm - Kiểm tra - Đánh giá định kỳ đạt trên 60% hoặc 5 điểm - Thi cuối kỳ: không dưới 60% hoặc 4 điểm - Tiêu chí đánh giá các loại bài tập đạt trên 60% hoặc 5 điểm
10	Tâm thần	Kiến thức	2,0	5	Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>ND1 Đánh giá được sự thay đổi các chức năng tâm lý, trạng thái cơ thể trong điều kiện bình thường và bệnh lý.</p> <p>ND2 Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý.</p> <p>ND3 Trình bày được nguyên tắc các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh.</p> <p>ND 4 Phát hiện và đánh giá được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường, các yếu tố tâm lý xã hội.</p> <p>ND 5 Vận dụng tổng hợp các kiến thức thu được để phân tích, đánh giá các vấn đề sức khỏe tại cơ sở y tế và cộng đồng.</p> <p>Kỹ năng</p> <p>Kỹ năng lập luận nghề nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý và các vấn đề về sức khỏe. - Chỉ định và phân tích được kết quả trắc nghiệm, xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản. - Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thường gặp. <p>Kỹ năng sáng tạo, phát triển chuyên môn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự đào tạo liên tục các vấn đề trong chuyên môn. - Cập nhật được các tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến, nâng cao hiệu quả công việc. <p>Đạo đức nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công bằng, khách quan, trung thực, liêm chính. 			<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Thực hành: 30%</p> <p>Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận: 70%</p> <p>Điểm học phần/ mô đun</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận. - Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành x 1.0 + Điểm lý thuyết x 2.0)/3

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Tác phong làm việc chuyên nghiệp, xử lý các xung đột đạo đức trong hành nghề.</p> <p>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc được độc lập hoặc phối hợp theo nhóm, phát huy tinh thần sáng tạo trong môi trường đa dạng, chịu trách nhiệm cá nhân trong công tác khám chữa bệnh và nghiên cứu khoa học. - Có trách nhiệm tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. - Lập được kế hoạch hướng dẫn tổ chức sử dụng, điều phối, giám sát, quản lý, đánh giá và đề xuất cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn. 			
11	Ung thư	<p>Kiến thức: Hiểu được khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư. Hiểu được các kiến thức cơ bản về Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau</p> <p>Kỹ năng: - Có khả năng trình bày một bệnh án ung thư; Có khả năng thực hành khám hệ thống hạch ngoại vi; Có khả năng khám phát hiện u vú.</p> <p>- Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh ung thư thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong giáo trình Ung thư</p> <p>Năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p>	2,0	5	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Thực hành: 30%</p> <p>Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận: 70%</p> <p>Điểm học phần/ mô đun</p> <p>- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc			- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành x 1.0 + Điểm lý thuyết x 2.0)/3
12	Pháp y	<p>* Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nêu được vai trò ngành pháp y trong công tác y tế + Trình bày được nguyên nhân và các mức độ ảnh hưởng của thương tích đối với cơ thể. + Xác định được thời gian tử vong, đánh giá được sự biến đổi của tử thi + Trình bày được trình tự các bước giám định pháp y <p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận <p>* Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tuân thủ các nội quy học tập để đạt được những kiến thức, kỹ năng cần thiết.. 	2,0	5	<p>Áp dụng thang điểm 10, sau đó quy về thang điểm 4;</p> <p>Thi cuối kỳ: Kết quả đạt là không dưới 4/10 điểm (1/3 điểm là trọng số điểm thực hành và 2/3 điểm là trọng số điểm lý thuyết).</p>
13	Dị ứng	<p>* Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nguyên nhân, sinh bệnh học Bệnh lý Dị ứng – Miễn dịch. - Phân tích các triệu chứng bệnh, đưa ra cách lập luận để hướng tới chẩn đoán một số Bệnh Dị ứng. - Biết được các tiêu chuẩn chẩn đoán một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch. - Hiểu được các giai đoạn, diễn biến, tiến triển của Bệnh Dị ứng. - Nắm được nguyên tắc điều trị một số Bệnh Dị ứng. 	2,0	5	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức thi test kết thúc học phần lý thuyết Điểm tổng kết học phần = (Điểm lý thuyết x2 + Lâm sàng)/3

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được các nguồn tài liệu để tìm thông tin liên quan. * Kỹ năng: - Biết cách hỏi bệnh: Tiền sử, các triệu chứng cơ năng. - Thực hiện được các bước khám lâm sàng. - Làm được Bệnh án Dị ứng – Miễn dịch một cách cơ bản. - Ra được các chỉ định xét nghiệm Bệnh Dị ứng hợp lý. - Phối hợp hỏi bệnh, khám bệnh, xét nghiệm để đưa ra chẩn đoán. - Làm thành thạo bệnh án Dị ứng – Miễn dịch. 			
14	Hỏi sức cấp cứu	<ul style="list-style-type: none"> * Kiến thức: - Trình bày lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hỏi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng. - Trình bày, giải thích đầy đủ ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...). - Trình bày chính xác một cách rõ ràng chỉ định điều trị ban đầu và các hướng điều trị tiếp theo tình trạng cấp cứu hỏi sức. * Kỹ năng: - Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời. - Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hỏi sức. 	3,0	5	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia câu hỏi trọng số của từng phần do giảng viên phụ trách đề xuất.</p> <p>Thi cuối kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm - Lâm sàng: Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh. <p>Tổng kết học phần = (điểm thi lý thuyết x 2 + điểm thi lâm sàng)/3</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>- Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra hướng điều trị một số bệnh lý cấp cứu hồi sức. * Thái độ: Thể hiện được thái độ ở từng bệnh nhân trong từng trường hợp cụ thể để bệnh nhân yên tâm và hợp tác với thầy thuốc trong quá trình điều trị.</p>			
15	Chương trình y tế quốc gia	<p>* Kiến thức: - Trình bày được mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu đến năm 2025 của các chương trình y tế và chiến lược y tế: phòng chống bệnh không lây nhiễm, phòng chống lao, phòng chống HIV/AIDS, phòng chống sốt rét, Tiêm chủng mở rộng, chiến lược vệ dinh dưỡng, dân số, Y học cổ truyền. - Nắm rõ tình hình dịch tễ, chính sách, và trình bày được các giải pháp để thực hiện chiến lược quốc gia về y tế và chương trình y tế đến năm 2025. * Kỹ năng: Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng phân tích số liệu của các hoạt động từ đó có thể đánh giá, so sánh với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình quốc gia y tế. * Thái độ: Học phần giúp cho sinh viên thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của chương trình y tế, các chiến lược quốc gia mà ngành y tế đóng vai trò chủ đạo. Hướng cho sinh viên hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu đồng thời tự giác trong các hoạt động của bản thân, tham gia tích cực vào phong trào chung của xã hội góp phần vào hoàn thành mục tiêu chung và từng mục tiêu cụ thể.</p>	1,0	5	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Trưởng mô đun thông qua): - Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Tham dự tối thiểu 80% giờ trên lớp - Kiểm tra – đánh giá định kỳ: Điều kiện - Thi cuối kỳ: 100% điểm lấy điểm thi kết thúc học phần, đạt điểm 4/10 trở lên. - - Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có)</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
16	Thực tập cộng đồng	<p>* Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm về cộng đồng. - Phân biệt được sự khác nhau giữa chẩn đoán cộng đồng và chẩn đoán lâm sàng. - Trình bày được các bước trong chẩn đoán cộng đồng - Mô tả sử dụng dịch vụ y tế. - Mô tả tình trạng sức khỏe cộng đồng và các yếu tố nguy cơ. - Đánh giá được hiệu quả của các chương trình can thiệp cộng đồng. <p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện các vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng. - Thực hành được cách thu thập thông tin, xử lý số liệu, phân tích, đánh giá các số liệu thu thập được. - Thực hành lập kế hoạch can thiệp. <p>* Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức về chăm sóc sức khỏe ban đầu - đáp ứng chăm sóc sức khỏe thiết yếu cho cộng đồng, góp phần đạt mục tiêu sức khỏe cho mọi người - Chăm sóc SKBD là một trong các trọng tâm trong công tác của ngành y tế không phải là nhiệm vụ của tuyến y tế cơ sở mà là của mọi tuyến - Chủ động phối hợp Y học cổ truyền với Y học hiện đại trong điều trị và chăm sóc sức khỏe nhân dân trong cộng đồng - Hoạt động liên ngành, thu hút sự tham gia của cộng đồng là chìa khóa đảm bảo thành công của chăm sóc SKBD 	3,0	5	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Trường mô đun thông qua):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Tham dự tối thiểu 80% giờ trên lớp - Kiểm tra – đánh giá định kỳ: Điều kiện - Thi cuối kỳ: 100% điểm lấy điểm thi kết thúc học phần, đạt điểm 4/10 trở lên. - Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
17	Dinh dưỡng và VSATTP	<p>* Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được mối liên quan giữa dinh dưỡng, ăn uống với sức khỏe và bệnh tật. - Trình bày được vai trò và nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị của các chất sinh năng lượng, vitamin, chất khoáng và nhóm thực phẩm. Trình bày và ứng dụng sử dụng tháp dinh dưỡng hợp lý cho các nhóm đối tượng. - Trình bày được các phương pháp đánh giá dinh dưỡng, cách tiến hành đánh giá và phân loại tình trạng dinh dưỡng bằng phương pháp nhân trắc học. - Trình bày được nguyên nhân, cách phát hiện và biện pháp phòng chống các vấn đề dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng (suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng, thừa cân-béo phì và bệnh mạn tính không lây liên quan tới dinh dưỡng). - Trình bày được nguyên tắc cơ bản xây dựng khẩu phần ăn và xây dựng chế độ ăn điều trị. - Trình bày được chế độ ăn điều trị cho một số bệnh (suy dinh dưỡng nặng, đái tháo đường và tăng huyết áp, ung thư ...) - Trình bày được phân loại, đặc điểm, nguyên nhân các loại ngộ độc thực phẩm và cách phòng bệnh do thực phẩm. - Trình bày được nguyên tắc và phương pháp quản lý an toàn thực phẩm của bếp ăn tập thể. <p>* Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng cứng) 	1,5	5	<p>* Hình thức thi và kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thi lý thuyết: Trắc nghiệm (câu hỏi tình huống, câu hỏi phân tích tổng hợp) <p>* Thang điểm: tính theo thang điểm 10</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần làm tròn đến phần nguyên.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>+ Đánh giá được tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, người trưởng thành và người bệnh dựa trên các chỉ tiêu nhân trắc, sinh hóa, khẩu phần</p> <p>+ Xây dựng được khẩu phần và chế độ dinh dưỡng cho các đối tượng trên cộng đồng và người bệnh.</p> <p>+ Thực hiện được phương pháp đánh giá nhanh các mối nguy áp dụng được các nguyên lý quản lý đảm bảo an toàn thực phẩm cho bếp ăn tập thể.</p> <p>- Kỹ năng mềm:</p> <p>+ Giao tiếp hiệu quả với cộng đồng, người bệnh dựa trên các tiếp cận về văn hóa, tập quán ăn uống, học vấn, điều kiện kinh tế-xã hội trong quá trình thực hiện các nghiên cứu và can thiệp cải thiện dinh dưỡng, an toàn thực phẩm.</p> <p>+ Sử dụng thành thạo các phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và xây dựng thực đơn, Có k năng làm việc theo nhóm;</p> <p>+ Có khả năng tự tra cứu, tham khảo tài liệu về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, có khả năng tự học và học tập liên tục.</p> <p>- Thái độ</p> <p>+ Coi trọng và đề cao dinh dưỡng, tiết chế trong dự phòng và điều trị bệnh cũng như nâng cao sức khỏe của cá nhân và cộng đồng.</p> <p>+ Tôn trọng, cảm thông và tận tụy phục vụ người bệnh; kết hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa chế độ điều trị và chế độ dinh dưỡng; đảm bảo y đức trong dinh dưỡng trị liệu và các hoạt động khác.</p>			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> + Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của cộng đồng về các nhu cầu chăm sóc sức khỏe; đóng góp cho việc nâng cao sức khỏe cộng đồng. + Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp + Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp. + Trung thực, khách quan, có tinh thần cầu thị, quan tâm đến nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ. 			
III. NĂM THỨ 4 (KHOA 2020-2026)					
1	Nội bệnh lý 1	<p>* Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh một số bệnh nội khoa thường gặp. - Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng các bệnh nội khoa. - Trình bày được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp trên lâm sàng. <p>* Kỹ năng:</p> <p>Chẩn đoán và điều trị được các bệnh nội khoa thường gặp.</p> <p>* Thái độ:</p> <p>Thể hiện được thái độ ở từng bệnh nhân trong từng trường hợp cụ thể để bệnh nhân yên tâm và hợp tác với thầy thuốc trong quá trình điều trị.</p>	5,0	4	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia câu hỏi trọng số của từng phần do giảng viên phụ trách đề xuất.</p> <p>Thi cuối kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm - Lâm sàng: Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh. <p>Tổng kết học phần = (điểm thi lý thuyết x 2 + điểm thi lâm sàng)/3</p>
2	Ngoại bệnh lý 1	<p>* Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHĐ 	5,0	4	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức thi test kết thúc học phần lý thuyết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học * Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> - Thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ - Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường - Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường - Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ 			Điểm tổng kết học phần = (Điểm lý thuyết x2 + Lâm sàng)/3
3	Xác suất - Thống kê y học	<ul style="list-style-type: none"> * Về kiến thức <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và phân biệt được các khái niệm cơ bản về xác suất và thống kê. - Trình bày được khái niệm và công thức đặc trưng của thống kê mô tả và ý nghĩa của chúng. - Trình bày các bước của bài kiểm định giá thuyết thống kê; - Hiểu và Phân biệt được các dạng bài kiểm định giá thuyết thống kê. * Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> - Tính được tham số mẫu và hiểu được ý nghĩa của chúng. - Giải được các bài toán cơ bản về xác suất, thống kê có nội dung y sinh học và thực tiễn. - Lựa chọn được kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. * Thái độ: 	2,0	4	<p>Áp dụng thang điểm 10, sau đó quy về thang điểm 4.</p> <p>Thi cuối kỳ: Kết quả đạt là không dưới 4/10 điểm (100% trọng số điểm thi lý thuyết).</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.			
4	Tin học ứng dụng	<p>* Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức cơ bản về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến, chương trình trích dẫn tài liệu tham khảo Endnote và kiến thức cơ sở về xác suất thống kê y học. <p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm kiếm được tài liệu tham khảo, chèn tài liệu tham khảo vào luận văn, luận án. - Nhận diện dữ liệu trên bảng hỏi, tạo biến chứa dữ liệu trên SPSS, đưa phương pháp phân tích phù hợp, và thao tác chạy các bảng phân tích trên máy. <p>* Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được công nghệ thông tin vào quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học cuộc sống. 	1,0	4	<p>Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm lý thuyết: - Điểm thực hành/làm sang: chấm thi thực hành trực tiếp - Điểm tổng kết học phần: điểm thi thực hành - Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).
5	Phụ sản 1	<p>* Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức cơ bản về sinh lý và bệnh lý sản phụ khoa; - Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh; - Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học; - Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân. <p>* Kỹ năng:</p>	4,0	4	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành - thi trắc nghiệm: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Mục đích môn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu sản phụ khoa thông thường; - Chẩn đoán và xử trí một số bệnh sản phụ khoa thường gặp; - Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh sản phụ khoa thông thường; - Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khoẻ sinh sản toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường; - Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng; - Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh; - Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khoẻ, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; <p>* Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; 			<p>Điểm học phần/ môn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm lý thuyết: Thi trắc nghiệm Điểm đạt: > 4.0 - Điểm lâm sàng: Hỏi thi lâm sàng Điểm đạt: > 6.0 - Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Nhi khoa 1	<p>- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.</p> <p>* Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ. - Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em - Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em <p>* Kỹ năng: Kỹ năng lập luận nghề nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em - Chi định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em - Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thông thường trẻ em - Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em <p>* Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. 	4,0	4	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: + Thi trắc nghiệm trên máy tính theo lịch thi từ Phòng Đào tạo + Điểm theo hệ số 10. Điểm đạt: Từ 4.0 - Thực hành + Tô chức bốc thăm làm bệnh án, thi vấn đáp tuần cuối học lâm sàng + Điểm theo hệ số 10. Điểm đạt: Từ 4.0 - Điểm tổng kết học phần = (Điểm LT x 2 + Điểm thực hành)/3

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Tu tưởng Hồ Chí Minh	<p>* Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh và khẳng định ý nghĩa học tập của môn học - Trình bày được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc - Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam - Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế - Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới <p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên có khả năng vận dụng một cách sáng tạo, khoa học, biện chứng tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới đất nước và quá trình tu dưỡng bản thân. - Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam <p>* Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc học tập, nghiên cứu nội dung quan điểm Hồ Chí Minh 	2,0	4	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Phụ trách học phần thông qua):</p> <ul style="list-style-type: none"> 9.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: 0 % 9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 0 % 9.3. Thi cuối kỳ: 100% hoặc 10 điểm 9.4. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có): Không có

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Nghiên cứu khoa học	<p>- Có niềm tin vào con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội</p> <p>* Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những đặc điểm của nghiên cứu khoa học. - Trình bày được khái niệm của các thiết kế nghiên cứu khoa học cơ bản. - Trình bày được các khái niệm về mẫu và cỡ mẫu trong nghiên cứu. - Nêu được các nội dung kiến thức về thu thập, xử lý, trình bày số liệu. - Trình bày được các bước của một đề cương nghiên cứu. - Trình bày được cấu trúc của đề cương nghiên cứu khoa học và cách viết bài báo khoa học <p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được các loại thiết kế và ưu nhược điểm của từng thiết kế nghiên cứu. - Biết tính cỡ mẫu, chọn mẫu đối với từng thiết kế nghiên cứu. - Biết cách thu thập thông tin, trình bày số liệu. - Xử lý số liệu. - Cách trình bày số liệu, sau cùng là viết được một đề cương nghiên cứu khoa học. <p>* Thái độ:</p> <p>Rèn luyện phẩm chất say mê trong nghiên cứu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung thực trong nghiên cứu. - Trách nhiệm về các thông tin trong nghiên cứu. 	2,0	4	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Trường mô đun thông qua):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Tham dự tối thiểu 80% giờ trên lớp - Kiểm tra – đánh giá định kỳ: Điều kiện - Thi cuối kỳ: 100% điểm lấy điểm thi kết thúc học phần, đạt điểm 4/10 trở lên. - Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
9	Dịch tễ học	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được đạo đức, tác phong tốt trong nghiên cứu khoa học. * Kiến thức: - Trình bày được các phương pháp mô tả tình hình sức khỏe cộng đồng. - Xác định được các yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh. - Đánh giá hiệu quả can thiệp và cách suy luận kết hợp nhân quả trong nghiên cứu dịch tễ học. - Giải thích được các nguyên lý dịch tễ học và các nguyên tắc dự phòng những bệnh phổ biến ở cộng đồng, bao gồm các bệnh lây và không lây - Phân tích được dịch tễ học dịch vụ y tế, chính sách y tế và sức khỏe người di cư. * Kỹ năng: - Tính toán được các chỉ số đo lường bệnh trạng, chẩn đoán sức khỏe cộng đồng, sàng tuyển phát hiện sớm, xử lý, phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu dịch tễ học. - Thực hiện được công tác giám sát điều tra dịch, tìm kiếm mở rộng, không chế còn trùng Y học. - Đưa ra được thiết kế nghiên cứu phù hợp để giải đáp một số câu hỏi cụ thể về nguyên nhân, tiên lượng bệnh, phòng ngừa và đánh giá điều trị bệnh. * Thái độ: - Nhận thức được ý nghĩa và vai trò của dịch tễ học trong công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng. - Coi trọng việc phát hiện sớm dịch bệnh để có biện pháp đáp ứng phòng chống kịp thời và hiệu quả. 	2,0	4	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Trưởng môn luận thông qua):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Tham dự tối thiểu 80% giờ trên lớp - Kiểm tra – đánh giá định kỳ: Điều kiện - Thi cuối kỳ: 100% điểm lấy điểm thi kết thúc học phần, đạt điểm 4/10 trở lên. - Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có)



STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Y học gia đình	<p>* Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm, nguyên lý vị trí và vai trò của Y học gia đình trong hệ thống Y tế. - Trình bày được khái niệm, một số công cụ đánh giá gia đình ; các nguyên lý Y học gia đình và giải quyết một số bệnh thường gặp và các chiến lược tư vấn sức khỏe - Phân tích được khái niệm vòng đời người, vòng đời gia đình và các vấn đề sức khỏe ưu tiên, các cách chăm sóc quản lý Y tế cần quan tâm trong từng giai đoạn của vòng đời người, vòng đời gia đình <p>* Kỹ Năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách vận dụng các công cụ thường dùng trong đánh giá gia đình vào chăm sóc ban đầu, tổng quát, toàn diện, liên tục trong hành nghề y học gia đình của Bác sĩ gia đình trong bối cảnh hiện nay tại Việt Nam. - Thực hành tốt kỹ năng giao tiếp, tư vấn cho bệnh nhân và gia đình; Áp dụng kiến thức về vòng đời người và vòng đời gia đình vào trong công tác chăm sóc sức khỏe theo định hướng Y học gia đình. <p>* Thái độ: Nhận thức được vai trò của y học gia đình trong thực hành nghề nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định tầm quan trọng của việc hiểu được các khái niệm và nguyên lý của Y học gia đình vì vậy cần có thái độ học tập tích cực, chủ động, từng bước hoàn thiện kiến thức để có khả năng áp dụng được các nguyên lý, khái niệm trong thực hành y học gia đình. 	2,0	4	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Phụ trách học phần thông qua):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Tham dự tối thiểu 80% giờ trên lớp - Kiểm tra – đánh giá định kỳ: Điều kiện - Thi cuối kỳ: 100% điểm lấy điểm thi kết thúc học phần - Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Châm cứu 1	<p>* Kiến thức: Trình bày được lịch sử của châm cứu. Cơ chế tác dụng của châm cứu Trình bày được đại cương huyết vị, phân loại huyết vị, tác dụng huyết vị Trình bày được Học thuyết về hệ kinh lạc, tác dụng của hệ kinh lạc Xác định được đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, cách châm cứu các huyết thường dùng của 12 đường kinh chính và 2 mạch Nhâm, Đốc</p> <p>* Kỹ năng: Thực hiện được kỹ thuật châm, cứu. Phương pháp bỏ tả trong châm cứu, phát hiện và xử trí các tai biến của các kỹ thuật hào châm, điện châm, thủy châm, cứu.</p> <p>* Thái độ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao và luôn phấn đấu học hỏi không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn</p>	3,0	4	<p>Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phân được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>- Điểm lý thuyết: Thi trắc nghiệm trên máy - Điểm thực hành/làm sàng: Hội thi lâm sàng và Châm bệnh án - Điểm tổng kết học phần: + Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/làm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3 + Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn làm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập. + Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).</p>
12	Phương pháp ĐT không dùng thuốc	* Kiến thức:	3,0	4	<p>Hình thức thi hết môn: Thi Test Hình thức thi làm sàng: Vấn đáp</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Mục đích môn học</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biết được nguồn gốc, lịch sử của phương pháp Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt. + Trình bày được định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyệt. + Thực hành thành thạo các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt cơ bản. + Ứng dụng được các động tác xoa bóp theo vùng cơ thể. + Ứng dụng được các động tác xoa bóp trong điều trị một số bệnh thường gặp. + Trình bày được định nghĩa, cơ chế tác dụng, mục đích, nội dung của phương pháp Dưỡng sinh + Thực hành thành thạo các động tác chống xo cứng của phương pháp tập Dưỡng sinh bác sỹ Nguyễn Văn Hưởng. + Ứng dụng được phương pháp dưỡng sinh trong phòng và chữa một số bệnh mạn tính thường gặp. <p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chẩn đoán xác định được các bệnh cần xoa bóp trong cộng đồng và chống chỉ định. + Chẩn đoán xác định được các bệnh cần tập dưỡng sinh trong cộng đồng và trên lâm sàng. <ul style="list-style-type: none"> • Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Ý thức được tầm quan trọng của phương pháp dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt với công tác chăm sóc sức khỏe và tham gia điều trị bệnh trong cộng đồng. 			<p>Áp dụng thang điểm 10</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Phương tế	<p>* Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được mối quan hệ giữa Phương tế và phương pháp trị liệu trong YHCT và cách xây dựng một phương thuốc. - Trình bày được tên, thành phần, công dụng, chủ trị các phương thuốc. - Giải thích được ý nghĩa phối ngũ các phương thuốc <p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng được các phương thuốc trong lâm sàng để điều trị bệnh <p>* Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự đưa ra được những lập luận chẩn đoán bệnh để kê đơn thuốc phù hợp với lâm sàng - Có trách nhiệm cao về tầm quan trọng của công việc đối với sức khỏe của người bệnh 	6,0	4	<p>Áp dụng thang điểm 10, sau đó quy về thang điểm 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm. - Điểm tổng kết đánh giá học phần = Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết Phương tế <p>Thi cuối kỳ: Kết quả đạt là không dưới 4/10 điểm.</p>
IV. NĂM THỨ 3 (KHOÁ 2021-2027)					
1	Chẩn đoán hình ảnh	<p>Kiến thức: Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra 1 số chỉ định Chẩn Đoán Hình Ảnh để thăm khám bệnh lý của các cơ quan thuộc các hệ như Tim mạch, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ thận tiết niệu, hệ cơ xương khớp, hệ sinh dục sinh sản và giới tính, hệ huyết học và miễn dịch, hệ nội tiết và chuyển hóa.</p> <p>Kỹ năng Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng về thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày,</p> <p>Thái độ: Kỹ năng dẫn dắt, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để chẩn đoán và xử trí bệnh</p>	2,0	3	<p>Điểm đánh giá kết thúc học phần = ĐTBMH= (Lý thuyết x 2 + Thực hành)/3</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Thái độ: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.</p>			
2	Ký sinh trùng	<p>Kiến thức: Mô tả được đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của ký sinh trùng chủ yếu ở Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đặc điểm dịch tễ học các bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam. - Lý giải được đặc điểm bệnh học và tác hại do KST gây ra. - Trình bày các phương pháp chẩn đoán bệnh KST. - Trình bày được quy trình xét nghiệm máu, xét nghiệm phân và xét nghiệm nếm trực tiếp. - Trình bày các nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng và kê tên một số thuốc thường dùng trong điều trị bệnh KST. - Trình bày các nguyên tắc và biện pháp phòng chống. <p>Kỹ năng: Chẩn đoán định hướng một số bệnh KST.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ định và phân tích được các xét nghiệm chẩn đoán bệnh KST. - Lấy, bảo quản đúng nguyên tắc một số bệnh phẩm thông thường. - Làm được một số xét nghiệm thường quy chẩn đoán bệnh KST. - Tư vấn cho cá nhân và cộng đồng phòng chống bệnh KST. <p>Thái độ Ý thức được tầm quan trọng của KST đối với sức khỏe con người.</p>	3,0	3	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm. - Điểm kiểm tra kết thúc thực hành thực hành là điểm kiểm tra thi thực hành tại phòng thực hành. - Điểm kết thúc học phần = Điểm kiểm tra phần thực hành * 30% + Điểm thi phần lý thuyết * 60% + Điểm đánh giá thường xuyên * 10% <p>Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Mục đích môn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia tích cực chương trình phòng chống bệnh KST và lồng ghép với các chương trình khác. - Tích cực học tập, nắm nội dung cơ bản của môn học. - Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc 			
3	Thực vật dược	<p>Kiến thức: Phân tích được các kiến thức cơ bản về viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được các kiến thức cơ bản về tài nguyên cây thuốc: khái niệm, giá trị, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc - Phân tích được các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP <p>Kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức về khái niệm, cấu tạo, tính chất, tác dụng chung của các nhóm hoạt chất chính cơ bản có tác dụng sinh học và các dược liệu có chứa các nhóm hoạt chất đó: carbohydrat, glycosid, alcaloid, tinh dầu trong kiểm nghiệm và hướng dẫn sử dụng các dược liệu trên</p>	2,0	3	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm phân lý thuyết = điểm thi trắc nghiệm - Điểm phần thực hành = điểm thi kết thúc thực hành - Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm phần thực hành X 1.0 + Điểm phần lý thuyết X 2.0)/3.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được các kiến thức cơ bản về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT - Kiểm nghiệm được một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hóa học <p>Thái độ: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.</p>			
4	Thuốc Y học cổ truyền	<p>MT1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về: Định nghĩa, nguồn gốc, thu hái, bảo quản, chế biến, tứ khí, ngũ vị, khuynh hướng tác dụng của thuốc, quy kinh, bổ tả, tương tác thuốc, phân loại, cách dùng thuốc và nguyên tắc kiêng kỵ.</p> <p>MT2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản để để phân tích và cho ví dụ về định nghĩa, đặc điểm, phân loại thuốc và tác dụng chung của các nhóm thuốc đã học.</p> <p>MT3: Trình bày được tên khoa học, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công năng, chủ trị và kiêng kỵ của các vị thuốc YHCT thường dùng</p> <p>MT4: Có kỹ năng hệ thống các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phân biện.</p>	4,0	3	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế (nếu có).</p> <p>chuyên cần: Điều kiện dự thi kết thúc học phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trắc nghiệm trên máy tính (TH SV thi trực tiếp tại HV) - Tự luận/Báo cáo tiểu luận (TH SV thi trực tuyến): 100% điểm phần lý thuyết <p>Điểm học phần</p> <p>Điểm phần lý thuyết là</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần</p> <p>(Điểm đánh giá cuối kỳ).</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>MT5: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong sử dụng thuốc có nguồn gốc được liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý; Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về thực vật – dược liệu.</p>			<p>Điểm của học phần là điểm trung bình của điểm phần lý thuyết và phần thực hành theo công thức tính điểm của Học viện</p>
5	Bảo chế thuốc Y học cổ truyền	<p>MT1: Hiểu được mục đích bảo chế thuốc đông dược và giải thích cách sử dụng các phụ liệu trong bảo chế thuốc y học cổ truyền</p> <p>MT2: Trình bày được quy trình bảo chế các vị thuốc cụ thể</p> <p>MT3: Có kỹ năng thực hiện các thao tác cơ bản và thực hiện thành thực một số quy trình bảo chế các vị thuốc cụ thể</p> <p>MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc</p>	2,0	3	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Thực hành: 33,3%</p> <p>Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận: 66,7%</p> <p>Điểm học phần/ môn đun</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được). - Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành - Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Dịch tễ học	<p>Kiến thức : Cung cấp những kiến thức cơ bản về: Các phương pháp mô tả tình hình sức khỏe cộng đồng, xác định các yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; nắm được các nguyên lý và phương pháp cơ bản của dịch tễ học.</p> <p>Kỹ năng : Xác định các yếu tố nguy cơ và đánh giá hiệu quả của các can thiệp kiểm soát và dự phòng các vấn đề sức khỏe phổ biến ở Việt Nam.</p> <p>Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được ý nghĩa và vai trò của dịch tễ học trong công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Coi trọng việc phát hiện sớm dịch bệnh để có biện pháp đáp ứng phòng chống kịp thời và hiệu quả.</p>	2,0	3	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Trắc nghiệm trên máy tính: 70%</p> <p>Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).</p>
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>MT 1: Hiểu và phân tích được kiến thức cơ bản về về CNXHKKH và thực tiễn xây dựng CNXH ở nước ta trong TKQĐ hiện nay MT 2: Hình thành và rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam</p>	2,0	3	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>MT 3: Hình thành và vận dụng được kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, làm việc độc lập, giải quyết vấn đề, thuyết trình, giao tiếp</p> <p>MT 4: MT4: Có niềm tin khoa học vào hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước; Tin tưởng vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do ĐCSVN khởi xướng và lãnh đạo trong thời kỳ quá độ lên CNXH hiện nay</p>			<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Điểm chuyên cần: 10%</p> <p>Điểm thành phần: 30 %</p> <p>- Trắc nghiệm trên máy tính (TH SV thi trực tiếp tại HV): 60%</p> <p>Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).</p>
8	Chẩn đoán học Y học cổ truyền (Y lý II)	<p>MT1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp khám, chẩn đoán, phượng, pháp điều trị, phòng bệnh theo Y học cổ truyền.</p> <p>MT2: Vận dụng được một chẩn đoán học Y học cổ truyền làm tiền đề trong công tác khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh bằng YHCT.</p>	4,0	3	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Điểm chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra: 10%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
9	Nội bệnh lý Y học hiện đại	<p>MT1: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh một số bệnh nội khoa thường gặp.</p> <p>MT2: Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh nội khoa thường gặp.</p> <p>MT3: Trình bày được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.</p> <p>MT4: Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện</p>	6,0	3	<p>Lâm sàng: 30%</p> <p>LT (Thi test); TH (thi vấn đáp, thảo tác): 50%</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận. - Điểm kết thúc thực hành thực hành là điểm thi lâm sàng. - Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm chuyên cần + Điểm kiểm tra + Điểm Lâm sàng + Điểm lý thuyết.
10	Ngoại bệnh lý Y học hiện đại	<p>MT1: Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHĐ</p>	3,0	3	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Xét điều kiện được thi Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận: 100%</p> <p>Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thi thực hành X 1 + Điểm lý thuyết X 2)/3</p> <p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>MT2: Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học</p> <p>MT3: Chi định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường MT4:</p> <p>MT4: Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường MT6:</p> <p>MT5: Thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ</p> <p>MT6: Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ</p> <p>MT7: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tinh chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng</p>			<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. Thực hành: 33,3%</p> <p>Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận: 66,7%</p> <p>Điểm học phần/ môn đun</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được). - Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành - Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3
11	Tin học ứng dụng - Xác suất thống kê y học	<p>MT1: Áp dụng các kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê để tính xác suất, lựa chọn được kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và thực hiện được các loại kiểm định giá thuyết thống kê</p> <p>MT2: - Tính được tham số mẫu và hiểu được ý nghĩa của chúng.</p>	3,0	3	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Giải được các bài toán cơ bản về xác suất có nội dung y sinh học và thực tiễn. - Lựa chọn được kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. <p>MT3: Có thái độ tích cực trong việc vận dụng kiến thức được học vào quá trình nghiên cứu KH và các môn học khác... để giúp ích bản thân, công việc và xã hội</p>			<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận: 100%</p> <p>Điểm học phần/ môn đun</p> <p>- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm lý thuyết*2 + Điểm thực hành*1)/3</p>
12	Tâm lý y học - Đạo đức Y học - Truyền thông và giáo dục sức khỏe	<p>MT1: Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp những kiến thức cơ bản về: những diễn biến tâm lý của người bệnh trong điều kiện bình thường và khi có bệnh - Những nguyên tắc về đạo đức trong nghiên cứu y học - Trình bày được các kiến thức cơ bản về truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe. - Phân tích được vị trí vai trò của truyền thông giáo dục sức khỏe trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản trong chỉ đạo hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe. 	2,0	3	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Kiểm tra: 30%</p> <p>Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...: 10/10</p> <p>Điểm học phần/ môn đun</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được hành vi sức khỏe, các yếu tố tác động đến hành vi sức khỏe và các bước của quá trình thay đổi hành vi . - Trình bày được các nội dung cơ bản của các vấn đề sức khỏe, bệnh tật chính cần truyền thông. - Trình bày được các phương tiện và phương pháp và kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe <p>MT2: Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kỹ năng lắng nghe, chia sẻ, thương lượng và giải quyết những băn khoăn, lo lắng của người bệnh và thân nhân người bệnh. - Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng đúng một số bệnh thường gặp tại phòng khám ngoại trú. Thực hành tốt kỹ năng giao tiếp, tư vấn cho bệnh nhân và gia đình. - Lập được kế hoạch truyền thông - Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe để chăm sóc sức khỏe cộng đồng. - Vận dụng được các nguyên tắc truyền thông - Giáo dục sức khỏe vào trong công tác truyền thông - Giáo dục sức khỏe của mình. - Thực hiện được các phương pháp TT - GDSK: nói chuyện sức khỏe, thảo luận nhóm để GDSK, tư vấn giáo dục sức khỏe. <p>MT3: Năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận tâm phục vụ người bệnh. - Phối hợp tốt với nhân viên y tế, người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng. - Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại bệnh viện và cộng đồng. 			<p>Điểm học phân là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Giữ bí mật tình trạng người bệnh, những thông tin mà người bệnh đã cung cấp và hồ sơ bệnh án. - Tuân thủ các quy định nghề nghiệp trong chăm sóc người bệnh. - Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại bệnh viện và cộng đồng. - Hướng dẫn, giám sát và đánh giá được các sinh viên lớp dưới triển khai các hoạt động học tập tại bệnh viện. - Nhận thức được tầm quan trọng của khoa học hành vi trong TT - GDSK. - Nhận thức được tầm quan trọng của TT - GDSK trong công tác CSSK cộng đồng 			
13	Ngoại cơ sở YHHĐ	<p>MT2: Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, hội chứng và bệnh lý ngoại khoa thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường.</p> <p>MT3: Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường.</p> <p>MT4: Sơ cứu bước đầu một số cấp cứu ngoại thường gặp</p> <p>MT1: Làm được bệnh án ngoại khoa</p> <p>MT6: Giao tiếp được với người nhà, người bệnh và trao đổi, thảo luận chuyên môn</p> <p>MT5: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tinh chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa</p>	3,0	3	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Thực hành: 33,3%</p> <p>Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận: 66,7%</p> <p>Điểm học phần/ môn đùn</p> <p>- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
14	Nội cơ sở YHHĐ	<p>MT1: Hiểu được triệu chứng, hội chứng lâm sàng, nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng cận lâm sàng các bệnh lý nội khoa thường gặp.</p> <p>MT2: Vận dụng được những kiến thức trên vào thực tế lâm sàng phân tích triệu chứng, lập luận chẩn đoán sơ bộ và đưa ra chỉ định cận lâm sàng phù hợp một số bệnh nội khoa thường gặp</p>	6.0	3	<p>- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành</p> <p>- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3</p>
V. NĂM THỨ 2 (KHOÁ 2022-2028)					
1	Giáo dục thể chất 3*	<p>MT1: Kiến thức: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học.</p> <p>- Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng.</p>	1,0	2	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Điểm đánh giá quá trình:</p> <p>Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi</p> <p>Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh: 100%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường phân xa thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng. - Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng. <p>MT2: Kỹ năng: - Giúp sinh viên hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp động tác trong bài một cách liên hoàn nhịp nhàng uyển chuyển. - Tăng cường khả năng giao tiếp, làm chủ thân kinh trong ứng xử xã hội và có khả năng tự bảo vệ khi cần thiết. - Nâng cao sức chịu đựng của cơ thể, phát huy nội lực, lòng tự tin và tính sáng tạo. - Nâng cao khả năng hoạt động nhóm - Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc. - Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDTT nhằm nâng cao sức khoẻ để học tập và công tác tốt. <p>MT3: Mức độ tự chủ và trách nhiệm; - Có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tự giác tích cực trong giờ học cũng như tự luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể, hoàn thiện nhân và tư tưởng của con người chủ nghĩa xã hội. 	3,0	2	<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. Thực hành trên sân tập: 100%</p>
2	Ngoại ngữ 2	<p>MT1: + Kiến thức về ngôn ngữ bao gồm ngữ pháp, từ vựng và phát âm trong chuyên ngành y học ở trình độ trung cấp thông qua các chủ điểm của bài học.</p>	3,0	2	Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>+ Kiến thức nền về nghề nghiệp và các kỹ năng nghề nghiệp thông qua các bài viết thực tế về công việc chuyên môn trong lĩnh vực y học, các kỹ năng giao tiếp giữa bác sĩ và người bệnh trong bối cảnh lấy người bệnh là trung tâm, kiến thức về văn hóa trong cộng đồng và giao tiếp.</p> <p>MT2: Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp thông qua việc tiếp cận tình huống giao tiếp, ứng xử cụ thể và xác thực trong môi trường chuyên ngành y khoa; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phân biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.</p> <p>MT3: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.</p>			<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Đánh giá chuyên cần: Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.</p> <p>Bài kiểm tra số 1: 15%</p> <p>Bài kiểm tra số 2: 15%</p> <p>Trắc nghiệm trên phần mềm thi test: 70%</p> <p>Điểm học phần</p> <p>Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).</p>
3	Lý luận cơ bản Y học cổ truyền (Y lý 1)	MT1: Cung cấp kiến thức về các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT bao gồm: Học thuyết Âm dương, Học thuyết Ngũ hành, Học thuyết Thiên nhân hợp nhất, Học thuyết kinh lạc, Học thuyết tạng phủ và các nguyên nhân gây bệnh theo y học cổ truyền	3,0	2	Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>MT2: Vận dụng các quy luật của các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT vào công tác chẩn đoán bệnh, phòng bệnh, bảo chế thuốc, điều trị.</p> <p>MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc</p>			<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Điểm chuyên cần: 10%</p> <p>Điểm kiểm tra: 30%</p> <p>Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận: 60%</p> <p>Điểm học phần/ môn đun</p> <p>- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).</p> <p>- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm chuyên cần x 1.0 + Điểm kiểm tra x 3.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết x 6.0)/10</p>
4	Mô phôi	<p>MT1: - Mô tả được cấu tạo hình thái (vi thể, siêu vi thể) của: tế bào, các mô, các cơ quan người bình thường</p> <p>- Giải thích được mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các thành phần cấu tạo các mô và các cơ quan.</p>	3,0	2	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá học phần lý thuyết được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự hình thành và phát triển của phổi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp. MT2: - Nhận biết được đúng các loại: tế bào, mô, cấu trúc của các cơ quan khi quan sát các tiêu bản dưới KHVQH. Vẽ và chú thích được cấu tạo vi thể một số mô, cơ quan MT3: - Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức mô học và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm việc được độc lập và làm việc nhóm - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phân biện - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc 			<p>Trắc nghiệm trên máy tính: 100%</p> <p>Điểm học phần mô phôi</p> <p>Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi lý thuyết kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ, hệ số 2) và Điểm thi thực hành kết thúc học phần (hệ số 1), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. Cụ thể: Điểm KTHP = (LT*2 + TH)/3</p>
5	Giải phẫu bệnh	<ul style="list-style-type: none"> MT1: Các cơ quan hệ xương, hệ cơ, hệ khớp, hệ thần kinh, các giác quan, hệ nội tiết: - Mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo. - Trình bày được các cấu trúc liên quan, các mạch máu nuôi dưỡng, các thần kinh chi phối. - Nêu được một số đặc điểm chức năng. - Nêu được một số liên hệ phù hợp trên lâm sàng. MT2: - Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu học và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm việc được độc lập và làm việc nhóm 	2,0	2	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá học phần lý thuyết được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.</p> <p>Trắc nghiệm trên máy tính: 100%</p> <p>Điểm học phần Giải phẫu 1</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phân biệt - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày MT3: - Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. - Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. 			<p>Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi lý thuyết kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ, hệ số 2) và Điểm thi thực hành kết thúc học phần (hệ số 1), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. Cụ thể: Điểm KTHP = (LT*2 + TH)/3</p>
6	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	<p>MT1: Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái quát hệ thống miễn dịch trong cơ thể; miễn dịch tự nhiên (MD không đặc hiệu) và miễn dịch thu được (MD đặc hiệu); các yếu tố tham gia hệ thống miễn dịch và đáp ứng của yếu tố này. - Trình bày được những rối loạn hoạt động chủ yếu của hệ thống miễn dịch trong cơ thể: bệnh tự miễn, quá mẫn, thiếu hụt miễn dịch. - Nêu được khái niệm cơ chế bệnh sinh bệnh lý trong miễn dịch; cơ chế bệnh sinh của các bệnh lý, vận dụng vào việc học tập các môn học khác và chăm sóc, theo dõi người bệnh. - Trình bày được những khái niệm cơ bản về quá trình bệnh lý, bệnh nguyên, bệnh sinh và các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh. 	3,0	2	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Trắc nghiệm trên máy tính: 100%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những rối loạn cơ bản của sinh lý bệnh: rối loạn chuyển hoá nước điện giải, rối loạn chuyển hoá acid bazo, sinh lý bệnh quá trình viêm, rối loạn thân nhiệt – sốt. - Trình bày được bệnh nguyên, cơ chế bệnh sinh, các biểu hiện rối loạn ở hệ cơ quan hô hấp, tuần hoàn, tiêu hoá, thận tiết niệu, gan mật, hô hấp... <p>MT2: Kỹ năng :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng để giải thích một số hiện tượng , triệu chứng lâm sàng - Có kỹ năng làm việc nhóm trong học tập <p>MT3: Mức độ tự chủ và trách nhiệm :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch. - Sẵn sàng thực hiện các kỹ năng đã học trong Sinh lý bệnh - Miễn dịch để áp dụng vào giải thích các triệu chứng lâm sàng. 			<p>Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi thực hành và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ), được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm. - Điểm kết thúc thực hành là bài thi chạy trạm/ Viết báo cáo thực hành. - Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết x 2.0)/3.
7	Vi sinh	<p>MT1: Trình bày được đặc điểm hình thái, cấu trúc, chức năng, sự phát triển, sinh sản của vi sinh vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của vi sinh vật, kháng nguyên vi sinh vật, cơ chế tác dụng của thuốc kháng sinh và sự đề kháng kháng sinh, các biện pháp hạn chế sự đề kháng kháng sinh, nguyên lý và nguyên tắc dùng vacxin và huyết thanh miễn dịch. 	3,0	2	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>- Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh của một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp; phương pháp chẩn đoán, biện pháp phòng, điều trị một số bệnh nhiễm trùng thường gặp.</p> <p>MT2: - Chẩn đoán định hướng một số bệnh do vi sinh vật.</p> <p>- Chỉ định và phân tích được các xét nghiệm chẩn đoán bệnh do vi sinh vật</p> <p>- Lấy, bảo quản đúng nguyên tắc một số bệnh phẩm thông thường.</p> <p>- Thực hiện một số kỹ thuật xét nghiệm cơ bản sử dụng trong phòng xét nghiệm vi sinh lâm sàng.</p> <p>- Tư vấn cho cá nhân và cộng đồng phòng chống được bệnh nhiễm trùng một cách chủ động.</p> <p>MT3: - Ý thức được vai trò và ảnh hưởng của các vi sinh vật trong quá trình hình thành bệnh nhiễm trùng – truyền nhiễm.</p> <p>- Xác định được tầm quan trọng các xét nghiệm vi sinh trong công tác phát hiện và điều trị các bệnh nhiễm trùng – truyền nhiễm.</p> <p>- Ý thức và đề xuất các giải pháp phòng bệnh cho cộng đồng.</p> <p>MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc</p>	3,0	2	<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Thực hành: 33,3%</p> <p>Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận: 66,7%</p> <p>Điểm học phần vi sinh</p> <p>- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).</p> <p>- Điểm thực hành thực hành là điểm bài thi thực hành (lý thuyết phần thực hành và kỹ thuật thực hành)</p> <p>- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3</p>
8	Hoá sinh	<p>MT1: Trình bày được cấu tạo, chức năng các chất, quá trình hô hấp tế bào, các quá trình chuyển hoá Glucid, Lipid, Acid Amin, Acid Nucleic, Protein và các rối loạn chuyển hoá của chúng</p>	3,0	2	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>MT2: Hiểu được cơ chế sinh bệnh, các chỉ số xét nghiệm và ứng dụng được các kiến thức hóa sinh để học tốt các môn các môn chuyên ngành</p> <p>MT3: Làm việc nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc và tóm tắt tổng hợp kiến thức -Tạo lập được từng bước tác phong làm việc chính xác, cần thận Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học <p>MT4: Thể hiện nhận thức đúng về vai trò quan trọng của môn Hoá sinh trong chương trình đào tạo Bác sỹ bằng việc luôn học tập nghiêm túc, liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng</p>			<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Thực hành: 33,33%</p> <p>Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/Báo cáo tiêu luận...: 66,67%</p> <p>Điểm học phần/ môn đun</p> <p>Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của TH và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ). LTx2 + THx1/3</p>
9	Điều dưỡng cơ bản	<p>MT1: Trình bày được các nội dung kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc sức khoẻ.</p> <p>MT2: Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định và tai biến của các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.</p>	2,0	2	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Trắc nghiệm trên máy tính</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Dược lý	<p>MT1: Trình bày được kiến thức đại cương về dược lực học, dược động học của thuốc.</p> <p>MT2: Trình bày và giải thích được cơ chế tác dụng; tác dụng; tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều dùng và tương tác thuốc của các nhóm thuốc trong chương trình</p> <p>MT3: Phân tích được các nguyên tắc xử lý ngộ độc thuốc và một số thuốc điều trị ngộ độc đặc hiệu.</p> <p>MT4: Vận dụng được các kiến thức đã học về dược lý của thuốc trong việc kê đơn thuốc và hướng dẫn cách dùng cho người bệnh theo tình huống bệnh cụ thể.</p> <p>MT5: Có năng lực tự học nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn, năng lực giải quyết vấn đề độc lập trong lĩnh vực kê đơn thuốc trong điều trị.</p>	3,0	2	<p>Điểm học phân là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).</p> <p>Phương pháp đánh giá học phần Thang điểm và cách tính điểm đánh giá Điểm đánh giá học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. Trắc nghiệm trên máy tính: 100% Điểm học phân/ mô đun Điểm phân lý thuyết Được lý là điểm thi kết thúc học phần. Điểm học phân Được lý là (điểm phân lý thuyết x 2 + điểm thực hành x 1): 3.</p>
11	Tiền lâm sàng Y học hiện đại	MT1: Hiểu được các bước khám bệnh nội khoa, ngoại khoa, sản và nhi khoa	2,0	2	Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>MT2: Thực hiện được các kỹ năng khám nhi khoa: khám toàn trạng, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thần kinh, hội chứng thiếu máu, hội chứng xuất huyết</p> <p>MT3: Thực hiện được các kỹ năng khám nội khoa: khám toàn thân, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thận tiết niệu, nội tiết, cơ xương khớp, thần kinh</p> <p>MT4: Thực hiện được các kỹ năng khám bụng ngoại khoa</p> <p>MT5: Thực hiện được các kỹ năng khám thai, khám phụ khoa và khám vú</p> <p>MT6: Thái độ cẩn thận, nghiêm túc trong thực hiện các kỹ năng</p>			<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Thi thực hành tại phòng Tiền lâm sàng: 100%</p> <p>Điểm đánh giá học phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm kết thúc thực hành Ngoại: Điểm thi thực hành Nội khoa - Điểm kết thúc thực hành Ngoại: Điểm thi thực hành Ngoại khoa - Điểm kết thúc thực hành Ngoại: Điểm thi thực hành Sản khoa - Điểm kết thúc thực hành Ngoại: Điểm thi thực hành Nhi khoa - Điểm kết thúc học phần = Điểm thi thực hành [Nội khoa + (Điểm thi thực hành Ngoại khoa + Điểm thi thực hành Sản khoa + Điểm thi thực hành Nhi khoa)]/3]/2

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Nội cơ sở Y học hiện đại	<p>MT1: Hiểu được triệu chứng, hội chứng lâm sàng, nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng cận lâm sàng các bệnh lý nội khoa thường gặp.</p> <p>MT2: Vận dụng được những kiến thức trên vào thực tế lâm sàng phân tích triệu chứng, lập luận chẩn đoán sơ bộ và đưa ra chỉ định cận lâm sàng phù hợp một số bệnh nội khoa thường gặp</p>	6,0	2	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh: 100%</p>
13	Ngoại cơ sở Y học hiện đại	<p>MT2: Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, hội chứng về bệnh lý ngoại khoa thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường.</p> <p>MT3: Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường.</p> <p>MT4: Sơ cứu bước đầu một số cấp cứu ngoại thường gặp</p> <p>MT1: Làm được bệnh án ngoại khoa</p> <p>MT6: Giao tiếp được với người nhà, người bệnh và trao đổi, thảo luận chuyên môn</p> <p>MT5: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa</p>	3,0	2	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Thực hành: 33,3%</p> <p>Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận: 66,7%</p> <p>Điểm học phần/ mô đun</p> <p>- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<ul style="list-style-type: none"> - Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành - Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3
14	Ký sinh trùng	<p>MT1: - Mô tả được đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của ký sinh trùng chủ yếu ở Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đặc điểm dịch tễ học các bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam. - Lý giải được đặc điểm bệnh học và tác hại do KST gây ra. - Trình bày các phương pháp chẩn đoán bệnh KST. - Trình bày được quy trình xét nghiệm máu, xét nghiệm phân và xét nghiệm nám trực tiếp. - Trình bày các nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng và kê tên một số thuốc thường dùng trong điều trị bệnh KST. - Trình bày các nguyên tắc và biện pháp phòng chống. <p>MT2: - Chẩn đoán định hướng một số bệnh KST.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ định và phân tích được các xét nghiệm chẩn đoán bệnh KST. - Lấy, bảo quản đúng nguyên tắc một số bệnh phẩm thông thường. 	3.0	2	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Thực hành: 33,3% Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận: 66,7%</p> <p>Điểm học phần/ môn đun</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm. - Điểm kiểm tra kết thúc thực hành thực hành là điểm kiểm tra thi thực hành tại phòng thực hành.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Làm được một số xét nghiệm thường quy chẩn đoán bệnh KST. - Tư vấn cho cá nhân và cộng đồng phòng chống bệnh KST MT3: - Ý thức được tầm quan trọng của KST đối với sức khỏe con người. - Tham gia tích cực chương trình phòng chống bệnh KST và lồng ghép với các chương trình khác. - Tích cực học tập, nắm nội dung cơ bản của môn học MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc 			<ul style="list-style-type: none"> - Điểm kết thúc học phần = Điểm kiểm tra phần thực hành * 30% + Điểm thi phần lý thuyết * 60% + Điểm đánh giá thường xuyên * 10% Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCVTN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam
15	Chẩn đoán hình ảnh	<ul style="list-style-type: none"> MT1: Trình bày được các chỉ định thông thường và các chỉ đặc biệt của phương pháp Chẩn Đoán Hình Ảnh để thăm khám bệnh lý của các cơ quan thuộc các hệ như Tim mạch, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ thần tiết niệu, hệ cơ xương khớp, hệ sinh dục sinh sản và giới tính, hệ huyết học và miễn dịch, hệ nội tiết và chuyển hóa. MT2: Vận dụng được Các phương pháp của Chẩn đoán hình ảnh để áp dụng chẩn đoán các bệnh của các hệ như trên, Và nhận biết được 1 số hình ảnh tổn thương đặc biệt của các hệ như trên bằng các Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh. 	2.0	2	<ul style="list-style-type: none"> Thang điểm và cách tính điểm đánh giá Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>MT3: Có kỹ năng làm việc, xử trí nhanh, chính xác. MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.</p>			<p>Điểm thi kết thúc học phần làm sàng: 100% Điểm Học Phần/Module Điểm đánh giá kết thúc học phần = ĐTBMH= (Lý thuyết x 2 + Thực hành)/3</p>
16	Thực vật dược	<p>MT1: Phân tích được các kiến thức cơ bản về viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin MT2: Phân tích được các kiến thức cơ bản về tài nguyên cây thuốc: khái niệm, giá trị, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc MT3: Phân tích được các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP MT4: Vận dụng được các kiến thức về khái niệm, cấu tạo, tính chất, tác dụng chung của các nhóm hoạt chất chính cơ bản có tác dụng sinh học và các dược liệu có chứa các nhóm hoạt chất đó: carbohydrat, glycosid, alcaloid, tinh dầu trong kiểm nghiệm và hướng dẫn sử dụng các dược liệu trên</p>	2,0	2	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. Thực hành: 33,3% Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận: 66,7%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>MT5: Phân tích được các kiến thức cơ bản về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT</p> <p>MT6: Kiểm nghiệm được một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hóa học</p> <p>MT7: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.</p>			
VI. NĂM THỨ NHẤT (KHOA 2023 - 2029)					
1	Triết học Mác Lênin	<p>MT1: Có được những hiểu biết căn bản về Triết học Mác – Lênin. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin</p> <p>MT2: Hình thành được thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật, đây là cơ sở lý luận đúng đắn trong nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân</p> <p>MT3: Đạt được kiến thức nền tảng để học tốt các môn học tiếp theo, đặc biệt là các môn Lý luận chính trị</p> <p>MT4: Người học có khả năng vận dụng một cách sáng tạo, khoa học, biện chứng các nguyên tắc phương pháp luận của triết học Mác - Lênin trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động chuyên môn và trong cuộc sống hàng ngày của bản thân.</p>	3,0	1	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế (nếu có).</p> <p>Điểm chuyên cần: 10% điểm học phần Điểm thành phần: 30% điểm học phần - Trắc nghiệm trên máy tính (SV thi trực tiếp tại HV): 60% điểm học phần</p> <p>Điểm học phần</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>MTS: Sinh viên có niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, vào con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, đó là Độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội.</p> <p>Sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập và rèn luyện.</p>			<p>Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).</p>
2	Giáo dục thể chất 1*	<p>Kiến thức: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng. - Tăng cường phản xạ thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng. - Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng <p>Kỹ năng: - Giúp sinh viên hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp động tác trong bài một cách liên hoàn nhịp nhàng uyển chuyển. - Tăng cường khả năng giao tiếp, làm chủ thân kinh trong ứng xử xã hội và có khả năng tự bảo vệ khi cần thiết. - Nâng cao sức chịu đựng của cơ thể, phát huy nội lực, lòng tự tin và tính sáng tạo. - Nâng cao khả năng hoạt động nhóm 	2,0	1	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Thực hành trên sân tập.: 100%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>- Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc.</p> <p>Mức độ tự chủ và trách nhiệm; - Có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tự giác tích cực trong giờ học cũng như tự luyện tập.</p> <p>- Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể, hoàn thiện nhân và tư tưởng của con người chủ nghĩa xã hội.</p>			
3	Tin học đại cương	<p>G1: Kiến thức</p> <p>Có kiến thức cơ bản về cấu trúc chung của máy tính, hệ điều hành Window, các phần mềm ứng dụng, Internet, thư điện tử và các phần mềm ứng dụng cho văn phòng Microsoft office</p> <p>- G2: Kỹ năng</p> <p>Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin: Cài đặt thiết lập và khai thác các một số hệ điều hành cơ bản phần mềm ứng dụng trên máy tính một cách hiệu quả; Khắc phục một số hiện tượng mà máy tính hay gặp lỗi; Thành thạo các dịch vụ trên mạng Internet và các tiện ích có liên quan</p> <p>Thành thạo các công cụ tìm kiếm trực tuyến và ngoại tuyến.</p> <p>Thành thạo các phần mềm tin học văn phòng cơ bản: phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm trình chiếu PowerPoint và tính toán trên phần mềm Excel.</p> <p>G3: Mức độ tự chủ và trách nhiệm</p> <p>Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong việc vận dụng in học vào trong quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học và vận dụng vào cuộc sống</p>	2,0	I	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Trắc nghiệm trên máy tính: ¼</p> <p>Thực hành trên máy tính: ¾</p> <p>Điểm học phần = (Điểm thi Lý thuyết * 0.5 + Điểm thi Thực hành * 1.5)/2</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Ngoại ngữ 1	<p>MT1: Kiến thức</p> <p>Kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chức năng ngôn ngữ và các kỹ năng ngôn ngữ) ở mức độ tiền trung cấp (tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tương đương B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu), kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội.</p> <p>MT2: Kỹ năng</p> <p>Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phân biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.</p> <p>MT3: Năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.</p>	3,0	1	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Đánh giá chuyên cần:</p> <p>Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.</p> <p>Bài kiểm tra số 1: 15%</p> <p>Bài kiểm tra số 2: 15%</p> <p>Trắc nghiệm trên phần mềm thi test: 70%</p> <p>Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).</p>
5	Giải phẫu 1	<p>MT1: Hiểu biết về nguyên nhân, yếu tố nguy cơ và mô tả được đặc điểm mô bệnh học của một số tổn thương bệnh lý thường gặp</p> <p>MT2: Hiểu biết vai trò của xét nghiệm giải phẫu bệnh trong chẩn đoán u, ung thư</p> <p>MT3: - Kỹ năng thảo luận nhóm.</p>	2,5	1	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>- Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, liên hệ</p> <p>- Thu thập và xử lý thông tin.</p> <p>MT4: Rèn luyện sự tự tin và tinh thần tự học, tự hệ thống kiến thức và hợp tác, tuân thủ nội quy trong học tập.</p>			<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Thực hành: 33,3%</p> <p>Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận: 66,7%</p> <p>Điểm học phần/ mô đun</p> <p>- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).</p> <p>- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thi thực hành X 1.0 + Điểm thi lý thuyết X 2.0)/3</p>
6	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	<p>MT1: - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của Kinh tế chính trị Mác – Lênin vừa cơ bản, vừa hệ thống đảm bảo tính khoa học, cập nhật tri thức mới vào bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay</p> <p>MT2: Có khả năng vận dụng được một cách sáng tạo, khoa học các kiến thức về kinh tế chính trị Mác – Lênin để hiểu, giải thích được các quan hệ kinh tế, vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.</p>	2,0	1	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế (nếu có).</p> <p>Điểm chuyên cần: 10% Điểm thành phần: 30%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>MT3: Xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin về kinh tế trong thời đại mới để phát triển nhân sinh quan cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.</p> <p>MT4: Hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước</p> <p>- Kỹ năng Thu thập và xử lý thông tin., đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện</p> <p>MT5: Rèn luyện tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện ý thức trách nhiệm, xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên, phát triển nhân sinh quan cách mạng và tu dưỡng đạo đức con người mới và góp phần xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.</p>			<p>- Trắc nghiệm trên máy tính (TH SV thi trực tiếp tại HV): 60 %</p> <p>Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).</p>
7	Giáo dục thể chất 2*	<p>Kiến thức: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học.</p> <p>- Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng.</p> <p>- Tăng cường phản xạ thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng.</p> <p>- Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng.</p> <p>Kỹ năng: - Giúp sinh viên hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.</p>	1,0	1	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Thực hành trên sân tập.: 100%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>- Phối hợp động tác trong bài một cách liên hoàn nhàn nhãng uyển chuyển.</p> <p>- Tăng cường khả năng giao tiếp, làm chủ thân kinh trong ứng xử xã hội và có khả năng tự bảo vệ khi cần thiết.</p> <p>- Nâng cao sức chịu đựng của cơ thể, phát huy nội lực, lòng tự tin và tính sáng tạo.</p> <p>- Nâng cao khả năng hoạt động nhóm</p> <p>- Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc.</p> <p>- Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDTT nhằm nâng cao sức khoẻ để học tập và công tác tốt.</p> <p>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>- Có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tự giác tích cực trong giờ học cũng như tự luyện tập.</p> <p>- Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể, hoàn thiện nhân và tư tưởng của con người chủ nghĩa xã hội.</p>			
8	Hoá học	<p>MT1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về hóa học, hóa phân tích, hóa vô cơ và hóa hữu cơ để giải thích được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống.</p> <p>MT2: Hiểu được bản chất, ý nghĩa khoa học, tính thực tiễn và ứng dụng của các chất hóa học trong đời sống, cũng như vai trò và ý nghĩa trong y học của chúng.</p> <p>MT3: - Kỹ năng thảo luận nhóm.</p> <p>- Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phân biện</p> <p>- Kỹ năng sử dụng các dụng cụ trong PTN</p>	3,0	1	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p> <p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Thực hành: 33,3%</p> <p>Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận: 66,7%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng trong thực hiện các phản ứng hóa học an toàn và hiệu quả - Thu thập và xử lý thông tin. - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc			Điểm học phần/ môn đun - Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3
9	Sinh học + Di truyền	MT1: Áp dụng được cơ sở khoa học của tế bào và mối quan hệ giữa các tế bào, mô, hệ cơ quan trong cơ thể để giải thích các vấn đề liên quan đến sức khỏe và bệnh tật. MT2: Giải thích được quy luật di truyền và ảnh hưởng của môi trường lên sức khỏe, bệnh tật và hướng phòng bệnh. MT3: Sử dụng và làm được các tiêu bản quan sát trên kính hiển vi MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	3,0	1	Thang điểm và cách tính điểm đánh giá Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. Thực hành: 33,3% Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận: 66,7% Điểm học phần/ môn đun - Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được). - Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Giải phẫu 2	<p>MT1: Các cơ quan hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh dục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo. - Trình bày được các cấu trúc liên quan, các mạch máu nuôi dưỡng, các thần kinh chi phối. - Nêu được một số đặc điểm chức năng. - Nêu được một số liên hệ phù hợp trên lâm sàng. <p>MT2: Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu học và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc được độc lập và làm việc nhóm - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phân biện - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày <p>MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. 	2,5	1	<p>- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3</p> <p>Phương pháp đánh giá học phần</p> <p>Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. <p>Trắc nghiệm trên máy tính: 100%</p> <p>Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi lý thuyết kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ, hệ số 2) và Điểm thi thực hành kết thúc học phần (hệ số 1), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. Cụ thể: Điểm KTHP = (LT*2 + TH)/3</p>
11	Lý sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống. - Trình bày được nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. 	3,0	1	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>- Phân tích được các tác dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.</p>			<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. Thực hành: 1/3 Trắc nghiệm trên máy tính: 2/3 Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).</p>
12	Sinh lý	<p>MT1: Trình bày được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng của các tế bào – cơ quan – hệ thống cơ quan của cơ thể bình thường trong môi liên hệ giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường MT2: Giải thích được các biểu hiện rối loạn chức năng của các cơ quan và cơ thể trong trạng thái bệnh lý của một số bệnh/hội chứng thường gặp MT3: Ứng dụng được các kiến thức về sinh lý để học tốt các môn YHLS, YHDP và các môn chuyên ngành MT4: Nhận định được kết quả một số xét nghiệm cơ bản và thăm dò chức năng thường sử dụng trên lâm sàng</p>	3,0	1	<p>Thang điểm và cách tính điểm đánh giá Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Thực hành: 33,3% Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận: 66,7% Điểm học phần/ môn đun - Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm trên máy.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự *	<p>MT5: Tạo lập được từng bước tác phong làm việc thận trọng, tỉ mỉ và chia sẻ hợp tác với bạn trong quá trình học tập; Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học</p> <p>MT6: Thể hiện nhận thức đúng về vai trò quan trọng của môn Sinh lý học trong chương trình đào tạo tạo Bác sỹ bằng việc luôn học tập nghiêm túc, liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng.</p> <p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân; phòng, chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng quân sự cần thiết: Điều lệnh đội ngũ, bản đồ địa hình quân sự, phân biệt được một số loại vũ khí bộ binh, các tư thế bắn súng và cách đánh mục tiêu...; những kiến thức cơ bản về Y học quân sự phục vụ quân đội khi cần thiết: Tổ chức chiến thuật quân y, nội - ngoại khoa dã chiến, vệ sinh phòng dịch quân đội, tiếp tế quân y, phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn, điều trị, xử lý vết thương chiến tranh.</p>	7,0	1	<p>- Điểm kết thúc thực hành thực hành là bài kiểm tra thực hành.</p> <p>- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3</p> <p>Theo quy định chung</p>

2. NGÀNH Y KHOA

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
I. NĂM THỨ 6 (khoá 2018-2024)					
1	Nội bệnh lý 2	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: + Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh các bệnh lý nội khoa. + Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng các bệnh lý nội khoa. + Trình bày được chẩn đoán các bệnh nội khoa + Trình bày và cập nhật điều trị các bệnh lý nội khoa - Kỹ năng: Chẩn đoán và điều trị được các bệnh nội khoa thông thường. - Thái độ: Thể hiện được thái độ ờ từng bệnh nhân trong từng trường hợp cụ thể để bệnh nhân yên tâm và hợp tác với thầy thuốc trong quá trình điều trị. 	5,0	6	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia câu hỏi trọng số của từng phần do giảng viên phụ trách đề xuất.</p> <p><i>Thi cuối kỳ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm - Lâm sàng: Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.
2	Ngoại bệnh lý 2	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: + Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và xử trí về bệnh lý ngoại khoa + Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường * + Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường và tiên lượng điều trị. - Kỹ năng + Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường + Thực hiện được một số thủ thuật, tiểu phẫu thuật cơ bản khi điều trị các bệnh lý ngoại khoa. 	5,0	6	<p>Áp dụng thang điểm 10, sau đó quy về thang điểm 4</p> <p>Điểm thực hành = Điểm thi lâm sàng vấn đáp</p> <p><i>Thi cuối kỳ:</i> Kết quả đạt là không dưới 4/10 điểm (1/3 điểm là trọng số điểm thực hành lâm sàng và 2/3 điểm là trọng số điểm lý thuyết).</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>- Thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa 			
3	Phụ sản 2	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức cơ bản về sinh lý và bệnh lý sản phụ khoa; - Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh; - Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học; - Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân. <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu sản phụ khoa thông thường; - Chẩn đoán và xử trí một số bệnh sản phụ khoa thường gặp; - Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh sản phụ khoa thông thường; - Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khoẻ sinh sản toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường; - Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng; - Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh; - Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khoẻ, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; 	3,0	6	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm lý thuyết: Thi trắc nghiệm Điểm đạt: > 4.0 - Điểm lâm sàng: Hỏi thi lâm sàng Điểm đạt: > 6.0 - Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
4	Nhi khoa 2	<p>☉ Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ. <p>- Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu được các triệu chứng cấp cứu Nhi khoa thường gặp và 1 số bệnh khác ở trẻ em + Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và 1 số bệnh khác ở trẻ em + Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em - Kĩ năng: Kỹ năng lập luận nghề nghiệp. + Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em + Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em + Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thông thường trẻ em + Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em - Thái độ: 	3,0	6	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: + Thi trắc nghiệm trên máy tính theo lịch thi từ Phòng Đào tạo + Điểm theo hệ số 10. Điểm đạt: Từ 4.0 - Thực hành + Tô chức bốc thăm làm bệnh án, thi vấn đáp tuần cuối học lâm sàng + Điểm theo hệ số 10. Điểm đạt: Từ 4.0 - Điểm tổng kết học phần = (Điểm LT x 2 + Điểm thực hành)/3

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
5	Phổ biến pháp luật về hành nghề	<ul style="list-style-type: none"> + Có khả năng tự chủ trong sắp xếp kế hoạch, thực hiện công việc học tập và thực hành nghề nghiệp + Chăm chỉ, kiên trì, tận tâm, trung thực, làm việc có trách nhiệm - <i>Về kiến thức</i> + Nắm được các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước về hành nghề khám chữa bệnh + Cập nhật các kiến thức mới về hành nghề - <i>Kĩ năng:</i> + Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu; ý thức chủ động tìm hiểu và nâng cao hiểu biết về pháp luật; Chi định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em - <i>Thái độ:</i> + Thực hiện vận dụng theo đúng các văn bản của nhà nước về hướng dẫn hành nghề 	1,0	6	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Trường mô đun thông qua):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Tham dự tối thiểu 80% giờ trên lớp - Kiểm tra – đánh giá định kỳ: Điều kiện - Thi cuối kỳ: 100% điểm lấy điểm thi kết thúc học phần, đạt điểm 4/10 trở lên. - Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có)
6	Thực tập nghề nghiệp	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và y học lâm sàng trong thực hành chăm sóc sức khỏe.. Vận dụng được y học dựa trên chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe 	3,0	6	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Trường mô đun thông qua):</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>Vận dụng được các kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng</p> <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác các bệnh lý phổ biến. Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe toàn diện và hợp lý, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm. Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị người bệnh phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ Y khoa; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả Xác định được các vấn đề sức khỏe thông thường trong cộng đồng, lập kế hoạch và đề xuất các giải pháp thích hợp Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh và người thân của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe Thực hiện tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn một cách an toàn và hiệu quả <p>Thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe 			<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Tham dự tối thiểu 80% giờ trên lớp - Kiểm tra – đánh giá định kỳ: Điều kiện - Thi cuối kỳ: 100% điểm lấy điểm thi kết thúc học phần, đạt điểm 4/10 trở lên. - Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có)
7	Học phần CMTH/ Khóa luận	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức Nắm vững và trình bày được kiến thức về nội dung sau: + Với phần y học hiện đại: triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, điều trị; + Với phần y học cổ truyền: chứng trạng, bệnh 	10,0	6	<ul style="list-style-type: none"> - Cách thức đánh giá: thi tự luận với phần lý thuyết, thi vấn đáp với phần thực hành. - Điểm đạt: 5.0 - Thi lâm sàng: sinh viên chọn một trong bốn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>nguyên bệnh cơ, chẩn đoán, biện chứng, pháp, phương thuốc, phân tích bài thuốc, phương không dùng thuốc theo YHCT.</p> <p>- Kĩ năng:</p> <p>+ Áp dụng các kiến thức cơ bản để thực hành được các thao tác khám bệnh phát hiện triệu chứng, lập luận chẩn đoán, yêu cầu và giải thích được chỉ định cận lâm sàng hỗ trợ chẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị và thực hành các phương pháp điều trị không dùng thuốc đối với một số bệnh cơ bản thường gặp.</p> <p>- Thái độ:</p> <p>+ Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức y tế trong thực hành nghề nghiệp.</p>			<p>môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi với hình thức làm bệnh án thi tại các Bệnh viện thực hành</p> <p>- Lý thuyết: sinh viên thi một trong hai tổ hợp môn</p> <p>+ Ngoại - Sản đối với sinh viên thi lâm sàng ngoại và sản</p> <p>+ Nội - Nhi đối với sinh viên thi lâm sàng nội và nhi</p>
II. NĂM THỨ 5 (KHOÁ 2019 - 2025)					
1	Y học cổ truyền	<p>Kiến thức:</p> <p>Trình bày được các học thuyết cơ bản của Y học cổ truyền</p> <p>Trình bày được một số vị thuốc và bài thuốc thông dụng của y học cổ truyền</p> <p>Trình bày được một số phương pháp không dùng thuốc thông dụng của y học cổ truyền</p> <p>Trình bày được triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp bằng Y học cổ truyền, Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>Thực hiện được các bước khám và phát hiện triệu chứng cơ bản của Y học cổ truyền</p> <p>Thực hiện được một số phương pháp điều trị không dùng thuốc của Y học cổ truyền</p> <p>Thái độ:</p>	4,0	5	<p>Điểm học phần/ mô đun</p> <p>Điểm TKMH = (Điểm TK Lý thuyết * 3 + Điểm lâm sàng*1)/4</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>Thể hiện sự tôn trọng quyền của người bệnh, cơ thể người bệnh qua lời nói và hành vi</p> <p>Thể hiện tốt tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin</p>			
2	Lao	<p>Kiến thức:</p> <p>Nắm được các đặc điểm về vi khuẩn Lao, dịch tễ học bệnh Lao, Chương trình chống Lao quốc gia</p> <p>Các biểu hiện lâm sàng, nguyên tắc điều trị Lao người lớn và trẻ em, Lao ngoài phổi cũng như đặc điểm của Lao kháng thuốc và các biện pháp phòng bệnh Lao</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh Lao thường gặp</p> <p>Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân Lao</p> <p>Thái độ: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người bệnh Lao, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.</p>	2,0	5	<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p><i>Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).</i></p>
3	Răng hàm mặt	<p>- Kiến thức:</p> <p>1. Trình bày được nguyên nhân một số bệnh RHM hay gặp</p> <p>2. Chẩn đoán được một số bệnh RHM thường gặp.</p> <p>3. Hướng xử trí một số bệnh RHM thường gặp</p> <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được kiến thức cơ bản về Tai Mũi Họng áp dụng để khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý Tai Mũi Họng</p> <p>+ Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh,</p>	2,0	5	<p>- <i>Thi cuối học phần thực hành:</i> 50%</p> <p>- <i>Thi cuối học phần lý thuyết:</i> 50%</p>
4	Tai mũi họng	<p>- Kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được kiến thức cơ bản về Tai Mũi Họng áp dụng để khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý Tai Mũi Họng</p> <p>+ Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh,</p>	2,0	5	<p>- <i>Thi cuối học phần thực hành:</i> 50%</p> <p>- <i>Thi cuối học phần lý thuyết:</i> 50%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>điều trị một số bệnh thường gặp.- Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh TMH thường gặp, chỉ định và đánh giá kết quả xét nghiệm, CLS cơ bản. - Kỹ năng: + Áp dụng để khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý Tai Mũi Họng, thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của Tai Mũi Họng - Thái độ: + Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tinh chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý TMH 			
5	Mắt	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức + Hiểu được các cấu tạo của cơ quan thị giác + Trình bày được triệu chứng, điều trị, cách phòng bệnh của các bệnh mắt thường gặp - Kỹ năng: + Khám và chẩn đoán được các bệnh mắt thường gặp + Làm được một số thủ thuật mắt đơn giản mắt - Thái độ: + Tự phòng các bệnh mắt cho mình + Tuyên truyền cho cộng đồng biết cách phòng bệnh, và đi đến đúng tuyến chuyên khoa khi bị bệnh. 	2,0	5	<p>Áp dụng thang điểm 10, sau đó quy về thang điểm 4; mỗi bài được chấm điểm luôn bao gồm các phần điểm sau: Chuẩn bị bài (30%) + Kết quả bài tập (40%) + Kỹ năng báo cáo, trình bày, vấn đáp (30%).</p> <p>Điểm thực hành (seminar) = trung bình cộng điểm của từng bài</p> <p><i>Thi cuối kỳ:</i> Kết quả đạt là không dưới 4/10 điểm (1/3 điểm là trọng số điểm thực hành và 2/3 điểm là trọng số điểm lý thuyết).</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
6	Truyền nhiễm	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các nguyên tắc chính trong điều trị - Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán, biện chứng luận trị bệnh truyền nhiễm - Vận dụng kiến thức đã học để kê đơn hợp lý và phân tích được đơn điều trị (dùng thuốc, không dùng thuốc, kết hợp YHHĐ - Trình bày được phương pháp phòng bệnh một số bệnh truyền nhiễm hay gặp. <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chẩn đoán đúng, đưa ra pháp điều trị và kê được đơn thuốc phù hợp một số bệnh truyền nhiễm thường gặp. - Hướng dẫn được bệnh nhân phương pháp phòng bệnh bệnh thường gặp. - Làm thành thạo bệnh án gồm 2 phần YHHĐ <p>Thái độ:</p> <p>Thực hiện đúng qui định hiện hành của ngành y tế.</p>	3,0	5	<ul style="list-style-type: none"> - Thi hết môn Lý thuyết: Thi Test - Đánh giá kết quả: Dựa trên thang điểm 10. - Thi hết môn Lâm sàng: Hỏi thi lâm sàng - Đánh giá kết quả: Dựa trên thang điểm 10. - Đánh giá kết quả học phần môn học: Điểm tổng kết = (Lý thuyết x 2 + Lâm sàng)/3
7	Da liễu	<p>3.2. Mục tiêu HP cụ thể</p> <p>3.2.1. Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được: Dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh những bệnh da liễu thường gặp. - Mô tả được tổn thương cơ bản, trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, của các bệnh da liễu thường gặp - Sử dụng được các nguồn tài liệu để tìm thông tin liên quan. <p>3.2.2. Về kỹ năng:</p>	2,0	5	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức thi test kết thúc học phần lý thuyết Điểm tổng kết học phần = (Điểm lý thuyết x2 + Lâm sàng)/3

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được tổn thương cơ bản, khám, chẩn đoán được một số bệnh da liễu thường gặp. - Phân tích được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chỉ định hợp lý, điều trị chính xác, tư vấn cách phòng tránh bệnh da liễu thường gặp. - Làm thành thạo bệnh án <p>3.2.3. Về thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức. - Tác phong chuyên nghiệp, giao tiếp ứng xử tốt. - Có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm về chuyên môn. 			
8	Phục hồi chức năng	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng + Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng + Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng + Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội - Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. + Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý - Thái độ: <ul style="list-style-type: none"> + Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân. 	3,0	5	Hình thức thi hết môn : Thi Test Hình thức thi lâm sàng: Vấn đáp Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá.
9	Thần kinh	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: trình bày được một số triệu chứng thần kinh thường gặp. Trình bày được cách chẩn đoán và 	2,0	5	Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>nguyên tắc xử trí một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng: thực hiện được cách khám để phát hiện một số triệu chứng, hội chứng thần kinh thường gặp. - Thái độ: giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình điều trị. 			<p>hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (<i>trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Phụ trách học phần thông qua</i>):</p> <p>Kiểm tra- Đánh giá thường xuyên đạt trên 60% hoặc 5 điểm</p> <p>Kiểm tra- Đánh giá định kỳ đạt trên 60% hoặc 5 điểm</p> <p>Thi cuối kỳ: không dưới 60% hoặc 4 điểm</p> <p>Tiêu chí đánh giá các loại bài tập đạt trên 60% hoặc 5 điểm</p>
10	Tâm thân	<p>Kiến thức</p> <p>ND1 Đánh giá được sự thay đổi các chức năng tâm lý, trạng thái cơ thể trong điều kiện bình thường và bệnh lý.</p> <p>ND2 Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý.</p> <p>ND3 Trình bày được nguyên tắc các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh.</p> <p>ND 4 Phát hiện và đánh giá được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường, các yếu tố tâm lý xã hội.</p> <p>ND 5 Vận dụng tổng hợp các kiến thức thu được để phân tích, đánh giá các vấn đề sức khỏe tại cơ sở y tế và cộng đồng</p> <p>Kỹ năng</p> <p><i>Kỹ năng lập luận nghề nghiệp.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý và các vấn đề về sức khỏe. 	2,0	5	<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p><i>Điểm học phần</i> là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của <i>Điểm quá trình</i> và <i>Điểm đánh giá quá trình</i> và <i>Điểm thi kết thúc học phần</i> (Điểm đánh giá cuối kỳ).</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>Mục đích môn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ định và phân tích được kết quả trắc nghiệm, xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản. - Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thường gặp. <p><i>Kỹ năng sáng tạo, phát triển chuyên môn.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự đào tạo liên tục các vấn đề trong chuyên môn. - Cập nhật được các tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến, nâng cao hiệu quả công việc. <p><i>Đạo đức nghề nghiệp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Công bằng, khách quan, trung thực, liêm chính. <p>Tác phong làm việc chuyên nghiệp, xử lý các xung đột đạo đức trong hành nghề.</p> <p>Thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc được độc lập hoặc phối hợp theo nhóm, phát huy tính thân sáng tạo trong môi trường đa dạng, chịu trách nhiệm cá nhân trong công tác khám chữa bệnh và nghiên cứu khoa học. - Có trách nhiệm tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. - Lập được kế hoạch hướng dẫn tổ chức sử dụng, điều phối, giám sát, quản lý, đánh giá và đề xuất cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn. 			
11	Ung thư	<p>Kiến thức</p> <p>Hiểu được khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư.</p> <p>Hiểu được các kiến thức cơ bản về Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau</p> <p>Kỹ năng</p>	2,0	5	Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>Có khả năng trình bày một bệnh án ung thư; Có khả năng thực hành khám hệ thống hạch ngoại vi; Có khả năng khám phát hiện u vú.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh ung thư thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong giáo trình Ung thư <p>Thái độ</p> <p>Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc</p>			<p>Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành x 1.0 + Điểm lý thuyết x 2.0)/3
12	Pháp y	<p>Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò ngành pháp y trong công tác y tế - Phân tích được nguyên nhân và các mức độ ảnh hưởng của thương tích đối với cơ thể. - Trình bày được trình tự các bước giám định pháp y <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng phát hiện cơ chế gây ra các tổn thương cơ thể và đặc điểm thương tích - Kỹ năng xác định được thời gian tử vong, đánh giá được sự biến đổi của tử thi. - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện <p>Thái độ:</p> <p>Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tuân thủ các nội quy học tập để đạt được những kiến thức, kỹ năng cần thiết..</p>	2,0	5	<p>Áp dụng thang điểm 10, sau đó quy về thang điểm 4;</p> <p><i>Thi cuối kỳ:</i> Kết quả đạt là không dưới 4/10 điểm (1/3 điểm là trọng số điểm thực hành và 2/3 điểm là trọng số điểm lý thuyết).</p>
13	Dị ứng	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nguyên nhân, sinh bệnh học Bệnh lý Dị ứng - Miễn dịch. - Phân tích các triệu chứng bệnh, đưa ra cách lập luận để hướng tới chẩn đoán một số Bệnh Dị ứng. 	2,0	5	<p>- Hình thức thi test kết thúc học phần lý thuyết</p> <p>Điểm tổng kết học phần = (Điểm lý thuyết x2 + Lâm sàng)/3</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>- Biết được các tiêu chuẩn chẩn đoán một số bệnh Dự ứng - Miễn dịch.</p> <p>- Hiểu được các giai đoạn, diễn biến, tiến triển của Bệnh Dự ứng.</p> <p>- Nắm được nguyên tắc điều trị một số Bệnh Dự ứng.</p> <p>- Sử dụng được các nguồn tài liệu để tìm thông tin liên quan.</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>- Biết cách hỏi bệnh: Tiền sử, các triệu chứng cơ năng, lực hiện được các bước khám lâm sàng.</p> <p>- Làm được Bệnh án Dự ứng – Miễn dịch một cách cơ bản.</p> <p>- a được các chỉ định xét nghiệm Bệnh Dự ứng hợp lý.</p> <p>- hỏi hợp hỏi bệnh, khám bệnh, xét nghiệm để đưa ra chẩn đoán.</p> <p>- Làm thành thạo bệnh án Dự ứng – Miễn dịch.</p>			
14	Hồi sức cấp cứu	<p>- Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Trình bày lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng. ✓ Trình bày, giải thích đầy đủ ý nghĩa của các cân lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...). ✓ Trình bày chính xác một cách rõ ràng chỉ định điều trị ban đầu và các hướng điều trị tiếp theo tình trạng cấp cứu hồi sức. <p>- Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời. 	3,0	5	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia câu hỏi trọng số của từng phần do giảng viên phụ trách đề xuất.</p> <p><i>Thi cuối kỳ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm - Lâm sàng: Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh. <p>Tổng kết học phần = (điểm thi lý thuyết x 2 + điểm thi lâm sàng) / 3</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>☞ Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức.</p> <p>✓ Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra hướng điều trị một số bệnh lý cấp cứu hồi sức.</p> <p>- Thái độ: Thể hiện được thái độ ở từng bệnh nhân trong từng trường hợp cụ thể để bệnh nhân yên tâm và hợp tác với thầy thuốc trong quá trình điều trị.</p>			
15	Lão khoa	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm tâm lý, sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi. - Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi - Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân cao tuổi - Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi. - Chẩn đoán đúng và đưa ra phác đồ điều trị thích hợp một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi. <p>Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh. - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; 	3,0	5	<p>Hình thức thi hết môn : Thi Test Hình thức thi lâm sàng: Vấn đáp Áp dụng thang điểm 10</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
16	Chương trình y tế quốc gia	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu đến năm 2025 của các chương trình y tế và chiến lược y tế; phòng chống bệnh không lây nhiễm, phòng chống lao, phòng chống HIV/AIDS, phòng chống sốt rét, Tiêm chủng mở rộng, chiến lược về dinh dưỡng, dân số, Y học cổ truyền... - Nắm rõ tình hình dịch tễ, chính sách, và trình bày được các giải pháp để thực hiện chiến lược quốc gia về y tế và chương trình y tế đến năm 2025. <p>Kỹ năng:</p> <p>Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng phân tích số liệu của các hoạt động từ đó có thể đánh giá, so sánh với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình quốc gia y tế.</p> <p>Thái độ:</p> <p>Học phần giúp cho sinh viên thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của chương trình y tế, các chiến lược quốc gia mà ngành y tế đóng vai trò chủ đạo. Hướng cho sinh viên hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu đồng thời tự giác trong các hoạt động của bản thân, tham gia tích cực vào phong trào chung của xã hội góp phần vào hoàn thành mục tiêu chung và từng mục tiêu cụ thể.</p>	1,0	5	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Trường mô đun thông qua):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Tham dự tối thiểu 80% giờ trên lớp - Kiểm tra – đánh giá định kỳ: Điều kiện - Thi cuối kỳ: 100% điểm lấy điểm thi kết thúc học phần, đạt điểm 4/10 trở lên. - Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có)
17	Thực tập cộng đồng	<p>Kiến thức</p> <p>Trình bày được khái niệm về cộng đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được sự khác nhau giữa chẩn đoán cộng đồng và chẩn đoán lâm sàng. - Trình bày được các bước trong chẩn đoán cộng đồng 	3,0	5	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>- Mô tả sử dụng dịch vụ y tế.</p> <p>- Mô tả tình trạng sức khỏe cộng đồng và các yếu tố nguy cơ.</p> <p>- Đánh giá được hiệu quả của các chương trình can thiệp cộng đồng.</p> <p>Kỹ năng</p> <p>- Phát hiện các vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng.</p> <p>- Thực hành được cách thu thập thông tin, xử lý số liệu, phân tích, đánh giá các số liệu thu thập được.</p> <p>☛- Thực hành lập kế hoạch can thiệp.</p> <p>Thái độ</p> <p>- Nâng cao nhận thức về chăm sóc sức khỏe ban đầu đáp ứng chăm sóc sức khỏe thiết yếu cho cộng đồng, góp phần đạt mục tiêu sức khỏe cho mọi người</p> <p>- Chăm sóc SKBD là một trong các trọng tâm trong công tác của ngành y tế không phải là nhiệm vụ của tuyến y tế cơ sở mà là của mọi tuyến</p> <p>- Chủ động phối hợp Y học cổ truyền với Y học hiện đại trong điều trị và chăm sóc sức khỏe nhân dân trong cộng đồng</p> <p>- Hoạt động liên ngành, thu hút sự tham gia của cộng đồng là chìa khóa đảm bảo thành công của chăm sóc SKBD</p>	1,5	5	<p>viên đề xuất, Trưởng mô đun thông qua):</p> <p>- Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Tham dự tối thiểu 80% giờ trên lớp</p> <p>- Kiểm tra – đánh giá định kỳ: Điều kiện</p> <p>- Thi cuối kỳ: 100% điểm lấy điểm thi kết thúc học phần, đạt điểm 4/10 trở lên.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có)</p>
18	Dinh dưỡng và VSATTP	<p>Kiến thức</p> <p>1. Trình bày được mối liên quan giữa dinh dưỡng, ăn uống với sức khỏe và bệnh tật.</p> <p>2. Trình bày được vai trò và nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị của các chất sinh năng lượng, vitamin, chất khoáng</p>	1,5	5	<p>- Thi lý thuyết: Trắc nghiệm (câu hỏi tình huống, câu hỏi phân tích tổng hợp)</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>và nhóm thực phẩm. Trình bày và ứng dụng sử dụng tháp dinh dưỡng hợp lý cho các nhóm đối tượng.</p> <p>3. Trình bày được các phương pháp đánh giá dinh dưỡng, cách tiến hành đánh giá và phân loại tình trạng dinh dưỡng bằng phương pháp nhân trắc học.</p> <p>4. Trình bày được nguyên nhân, cách phát hiện và biện pháp phòng chống các vấn đề dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng (suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng, thừa cân-béo phì và bệnh mạn tính không lây liên quan tới dinh dưỡng).</p> <p>5. Trình bày được nguyên tắc cơ bản xây dựng khẩu phần ăn và xây dựng chế độ ăn điều trị.</p> <p>6. Trình bày được chế độ ăn điều trị cho một số bệnh (suy dinh dưỡng nặng, đái tháo đường và tăng huyết áp, ung thư ...)</p> <p>7. Trình bày được phân loại, đặc điểm, nguyên nhân các loại ngộ độc thực phẩm và cách phòng bệnh do thực phẩm.</p> <p>8. Trình bày được nguyên tắc và phương pháp quản lý an toàn thực phẩm của bếp ăn tập thể.</p> <p>Kỹ năng Kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng cứng)</p> <p>1. Đánh giá được tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, người trưởng thành và người bệnh dựa trên các chỉ tiêu nhân trắc, sinh hóa, khẩu phần</p> <p>2. Xây dựng được khẩu phần và chế độ dinh dưỡng cho các đối tượng trên cộng đồng và người bệnh.</p> <p>3. Thực hiện được phương pháp đánh giá nhanh các mối nguy áp dụng được các nguyên lý quản lý đảm bảo an toàn thực phẩm cho bếp ăn tập thể.</p> <p>Kỹ năng mềm:</p>			<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần làm tròn đến phần nguyên</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>1. Giao tiếp hiệu quả với cộng đồng, người bệnh dựa trên các tiếp cận về văn hóa, tập quán ăn uống, học vấn, điều kiện kinh tế-xã hội trong quá trình thực hiện các nghiên cứu và can thiệp cải thiện dinh dưỡng, an toàn thực phẩm.</p> <p>2. Sử dụng thành thạo các phần mềm đánh giá giá tình trạng dinh dưỡng và xây dựng thực đơn, Có k năng làm việc theo nhóm;</p> <p>3. Có khả năng tự tra cứu, tham khảo tài liệu về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, có khả năng tự học và học tập liên tục.</p> <p>Thái độ</p> <p>1. Coi trọng và đề cao dinh dưỡng, tiết chế trong dự phòng và điều trị bệnh cũng như nâng cao sức khỏe của cá nhân và cộng đồng.</p> <p>2. Tôn trọng, cảm thông và tận tụy phục vụ người bệnh; kết hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa chế độ điều trị và chế độ dinh dưỡng; đảm bảo y đức trong dinh dưỡng trị liệu và các hoạt động khác.</p> <p>3. Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của cộng đồng về các nhu cầu chăm sóc sức khỏe; đóng góp cho việc nâng cao sức khỏe cộng đồng.</p> <p>4. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp</p> <p>5. Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.</p> <p>6. Trung thực, khách quan, có tinh thần cầu thị, quan tâm đến nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.</p>			
III. NĂM THỨ 4 (KHOA 2020-2026)					
1	Phẫu thuật thực hành	Kiến thức:	2,0	4	Hình thức thi : test kết thúc học phần lý thuyết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
2	Nội bệnh lý 1	<p>Nắm được kiến thức, kỹ thuật cơ bản, những thủ thuật chính trong ngoại khoa nhằm mục đích chẩn đoán và điều trị bệnh</p> <p>Kỹ năng: Nắm được các kỹ thuật trước khi thực tập ngoại khoa tại bệnh viện, kỹ thuật rửa tay mặc áo, mang găng. Nắm được một số kỹ thuật trong ngoại khoa cấp cứu như: mở khí quản cấp cứu, dẫn lưu màng phổi, xử trí vết thương phần mềm, mở thông bàng quang cấp cứu. Nắm được một số kỹ năng ngoại khoa cần bản trong phẫu thuật: kỹ thuật cắt ruột thừa, kỹ thuật đóng mở thành bụng, kỹ thuật khâu nối tiêu hóa, kỹ thuật cầm máu....</p>	5,0	4	<p>Thi vấn</p> <p>đáp kết thúc học phần thực hành</p> <p>Điểm tổng kết học phần = (Điểm lý thuyết x2 + Thực hành)/3</p>
3	Ngoại bệnh lý 1	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh một số bệnh nội khoa thường gặp. + Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng các bệnh nội khoa. + Trình bày được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp trên lâm sàng. - Kỹ năng: Chẩn đoán và điều trị được các bệnh nội khoa thường gặp. - Thái độ: Thể hiện được thái độ ở từng bệnh nhân trong từng trường hợp cụ thể để bệnh nhân yên tâm và hợp tác với thầy thuốc trong quá trình điều trị. <p>Về kiến thức</p>	5,0	4	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia câu hỏi trọng số của từng phần do giảng viên phụ trách đề xuất.</p> <p><i>Thi cuối kỳ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm - Lâm sàng: Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh. <p>Tổng kết học phần = (điểm thi lý thuyết x 2 + điểm thi lâm sàng)/3</p> <p>Áp dụng thang điểm 10, sau đó quy về thang điểm 4</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHD</p> <p>Có phương pháp luận khoa học của YHHD trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học</p> <p>Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường</p> <p>Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường</p> <p>Kỹ năng</p> <p>Thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHD</p> <p>Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHD</p> <p>Thái độ</p> <p>Thể hiện được sự cân trọng, tỉ mỉ, tinh chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa</p>			Điểm thực hành = Điểm thi lâm sàng vấn đáp <i>Thi cuối kỳ:</i> Kết quả đạt là không dưới 4/10 điểm (1/3 điểm là trọng số điểm thực hành lâm sàng và 2/3 điểm là trọng số điểm lý thuyết).
4	Dược lâm sàng	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một số vấn đề cơ bản liên quan đến quá trình sử dụng thuốc như dược động học, phân ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc. - Phân tích và nhận định một số kết quả của một số xét nghiệm lâm sàng thông dụng. - Giải thích được việc lựa chọn thuốc điều trị dựa trên những thay đổi căn bản về sinh lý và bệnh lý của các đối tượng đặc biệt. <p>Kỹ năng:</p>	2,0	4	<p>Đánh giá kết quả học tập học phần qua kỳ thi cuối kỳ:</p> <p>Lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá kết quả học tập phần lý thuyết qua kỳ thi cuối kỳ. • Áp dụng thang điểm 10. • Hình thức thi: Test. • Sinh viên phải đạt ≥ 4 điểm.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>- Tra cứu được các loại thuốc sử dụng cho các đối tượng đặc biệt (phụ nữ mang thai, người suy gan, thận...).</p> <p>- Tra cứu được các tương tác thuốc (thuốc – thuốc, thuốc – thức ăn).</p> <p>- Sử dụng được các dụng cụ đặc biệt: máy đo đường huyết, máy đo huyết áp tự động...</p> <p>- Tính toán các thông số cần thiết: cân nặng, chiều cao, tốc độ lọc cầu thận...</p> <p>Thái độ:</p> <p>- Thấy được sự ảnh hưởng của một số vấn đề cơ bản liên quan đến quá trình sử dụng thuốc: phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc.</p> <p>- Chú ý việc lựa chọn thuốc điều trị dựa trên những thay đổi căn bản về sinh lý và bệnh lý của các đối tượng đặc biệt.</p>			<ul style="list-style-type: none"> Sinh viên không đạt bài thi lý thuyết phải học lại. <p>Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> Áp dụng thang điểm 10. Điểm kiểm tra thực tập tính theo bài, tổng kết lấy điểm trung bình cộng. Sinh viên phải đạt ≥ 4 điểm. Sinh viên không đạt bài thực hành phải thực hành lại. <p>Điểm học phần = (Điểm lý thuyết x 2 + Điểm thực hành)/3</p>
5	Xác suất - Thống kê y học	<p>Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> Hiểu và phân biệt được các khái niệm cơ bản về xác suất và thống kê. Trình bày được khái niệm và công thức đặc trưng của thống kê mô tả và ý nghĩa của chúng. Trình bày các bước của bài kiểm định giả thuyết thống kê; Hiểu và Phân biệt được các dạng bài kiểm định giả thuyết thống kê. <p>Kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tính được tham số mẫu và hiểu được ý nghĩa của chúng. 	2,0	4	<p>Áp dụng thang điểm 10, sau đó quy về thang điểm 4.</p> <p><i>Thi cuối kỳ:</i> Kết quả đạt là không dưới 4/10 điểm (100% trọng số điểm thi lý thuyết).</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Giải được các bài toán cơ bản về xác suất, thống kê có nội dung y sinh học và thực tiễn. - Lựa chọn được kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. 			
6	Tin học ứng dụng	<p>Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức cơ bản về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến, chương trình trích dẫn tài liệu tham khảo Endnote và kiến thức cơ sở về xác suất thống kê y học. <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm kiếm được tài liệu tham khảo, chèn tài liệu tham khảo vào luận văn, luận án. - Nhận diện dữ liệu trên bảng hỏi, tạo biến chứa dữ liệu trên SPSS, đưa phương pháp phân tích phù hợp, và thao tác chạy các bảng phân tích trên máy. <p>Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được công nghệ thông tin vào quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học cuộc sống. 	1,0	4	<p>Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>Điểm lý thuyết: Điểm thực hành/làm sàng: chấm thi thực hành trực tiếp Điểm tổng kết học phần: điểm thi thực hành</p> <p>- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).</p>
7	Phụ sản 1	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức cơ bản về sinh lý và bệnh lý sản phụ khoa; - Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh; - Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học; - Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân. <p>Kỹ năng:</p>	4,0	4	<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>Mục đích môn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu sản phụ khoa thông thường; - Chẩn đoán và xử trí một số bệnh sản phụ khoa thường gặp; - Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh sản phụ khoa thông thường; - Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khoẻ sinh sản toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường; - Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng; <p>Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ. - Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh; - Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khoẻ, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; 			<ul style="list-style-type: none"> - Điểm lý thuyết: Thi trắc nghiệm Điểm đạt: > 4.0 - Điểm lâm sàng: Hỏi thi lâm sàng Điểm đạt: > 6.0
8	Nhi khoa 1	<i>Về kiến thức</i>	4,0	4	- Lý thuyết:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ. - Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em - Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em <p>Kỹ năng: Kỹ năng lập luận nghề nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em - Chi định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em - Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thông thường trẻ em - Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em <p>Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. 			<ul style="list-style-type: none"> + Thi trắc nghiệm trên máy tính theo lịch thi từ Phòng Đào tạo + Điểm theo hệ số 10. Điểm đạt: Từ 4.0 - Thực hành + Tổ chức bốc thăm làm bệnh án, thi vấn đáp tuần cuối học lâm sàng + Điểm theo hệ số 10. Điểm đạt: Từ 4.0 - Điểm tổng kết học phần = (Điểm LT x 2 + Điểm thực hành)/3
9	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	<p>Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những tri thức có tính hệ thống quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945). - Những nội dung lịch sử cơ bản, hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975. 	2,0	4	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Phụ trách học phần thông qua):</p> <p>Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: 0 %</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>- Những nội dung cơ bản về đường lối, Cương lĩnh và quá trình lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975-2018)</p> <p>Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của người học; vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.</p> <p>Về thái độ: Cung cấp cơ sở lịch sử, góp phần củng cố niềm tin của thế hệ trẻ vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc và phát triển đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước hiện nay- sự lựa chọn đúng đắn, tất yếu, khách quan của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam</p>			<p>Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 0 % Thi cuối kỳ: 100% hoặc 10 điểm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có): Không có</p>
10	Nghiên cứu khoa học	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những đặc điểm của nghiên cứu khoa học. - Trình bày được khái niệm của các thiết kế nghiên cứu khoa học cơ bản. - Trình bày được các khái niệm về mẫu và cỡ mẫu trong nghiên cứu. - Nêu được các nội dung kiến thức về thu thập, xử lý, trình bày số liệu. - Trình bày được các bước của một đề cương nghiên cứu. - Trình bày được cấu trúc của đề cương nghiên cứu khoa học và cách viết bài báo khoa học <p>Kỹ năng</p>	2,0	4	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Trường mô đun thông qua):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Tham dự tối thiểu 80% giờ trên lớp - Kiểm tra – đánh giá định kỳ: Điều kiện

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được các loại thiết kế và ưu nhược điểm của từng thiết kế nghiên cứu. - Biết tính cỡ mẫu, chọn mẫu đối với từng thiết kế nghiên cứu. - Biết cách thu thập thông tin, trình bày số liệu. - Xử lý số liệu. - Cách trình bày số liệu, sau cùng là viết được một đề cương nghiên cứu khoa học. <p>Thái độ</p> <p>Rèn luyện phẩm chất say mê trong nghiên cứu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung thực trong nghiên cứu. - Trách nhiệm về các thông tin trong nghiên cứu. - Xây dựng được đạo đức, tác phong tốt trong nghiên cứu khoa học. 			<ul style="list-style-type: none"> - Thi cuối kỳ: 100% điểm lấy điểm thi kết thúc học phần, đạt điểm 4/10 trở lên. - Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có)
11	Dịch tễ học	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các phương pháp mô tả tình hình sức khỏe cộng đồng. - Xác định được các yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh. - Đánh giá hiệu quả can thiệp và cách suy luận kết hợp nhân quả trong nghiên cứu dịch tễ học. - Giải thích được các nguyên lý dịch tễ học và các nguyên tắc dự phòng những bệnh phổ biến ở cộng đồng, bao gồm các bệnh lây và không lây. - Phân tích được dịch tễ học dịch vụ y tế, chính sách y tế và sức khỏe người di cư. <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính toán được các chỉ số đo lường bệnh trạng, chẩn đoán sức khỏe cộng đồng, sàng tuyển phát 	2,0	4	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Trưởng mô đun thông qua):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Tham dự tối thiểu 80% giờ trên lớp - Kiểm tra – đánh giá định kỳ: Điều kiện - Thi cuối kỳ: 100% điểm lấy điểm thi kết thúc học phần, đạt điểm 4/10 trở lên.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>⑥</p> <p>hiện sớm, xử lý, phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu dịch tễ học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được công tác giám sát điều tra dịch, tiêm chủng mở rộng, không chế côn trùng Y học. - Đưa ra được thiết kế nghiên cứu phù hợp để giải đáp một số câu hỏi cụ thể về nguyên nhân, tiên lượng bệnh, phòng ngừa và đánh giá điều trị bệnh. <p>Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được ý nghĩa và vai trò của dịch tễ học trong công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng. - Coi trọng việc phát hiện sớm dịch bệnh để có biện pháp đáp ứng phòng chống kịp thời và hiệu quả. 			<p>- Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có)</p>
12	Y học gia đình	<p>Kiến thức: -Trình bày được khái niệm, nguyên lý vị trí và vai trò của Y học gia đình trong hệ thống Y tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm, một số công cụ đánh giá gia đình ; các nguyên lý Y học gia đình và giải quyết một số bệnh thường gặp và các chiến lược tư vấn sức khỏe - Phân tích được khái niệm vòng đời người, vòng đời gia đình và các vấn đề sức khỏe ưu tiên, các cách chăm sóc quản lý Y tế cần quan tâm trong từng giai đoạn của vòng đời người, vòng đời gia đình <p>Kỹ Năng:- Biết cách vận dụng các công cụ thường dùng trong đánh giá gia đình vào chăm sóc ban đầu, tổng quát, toàn diện, liên tục trong hành nghề y học gia đình của Bác sĩ gia đình trong bối cảnh hiện nay tại Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành tốt kỹ năng giao tiếp, tư vấn cho bệnh nhân và gia đình; Áp dụng kiến thức về vòng đời người 	2,0	4	<p>Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau (trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Phụ trách học phần thông qua):</p> <p>Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Tham dự tối thiểu 80% giờ trên lớp</p> <p>Kiểm tra – đánh giá định kỳ: Điều kiện</p> <p>Thi cuối kỳ: 100% điểm lấy điểm thi kết thúc học phần</p> <p>Tiêu chí đánh giá các loại bài tập (nếu có)</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Năm học)	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>và vòng đời gia đình vào trong công tác chăm sóc sức khỏe theo định hướng Y học gia đình.</p> <p>Thái độ: Nhận thức được vai trò của y học gia đình trong thực hành nghề nghiệp.</p> <p>- Xác định tầm quan trọng của việc hiểu được các khái niệm và nguyên lý của Y học gia đình vì vậy cần có thái độ học tập tích cực, chủ động, từng bước hoàn thiện kiến thức để có khả năng áp dụng được các nguyên lý, khái niệm trong thực hành y học gia đình.</p>			
IV. NĂM THỨ 3 (KHOÁ 2021-2027)					
1	Hệ tiêu hóa	<p>Về kiến thức</p> <p>- Nắm được rõ mục tiêu kiến thức của từng học phần (giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh, chẩn đoán hình ảnh, nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi)</p> <p>Kĩ năng:</p> <p>- Kỹ năng thảo luận nhóm.</p> <p>- Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phân biện</p> <p>- Thu thập thông tin và xử lý thông tin.</p> <p>Thái độ:</p> <p>Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.</p>	4,0	3	<p>Áp dụng thang điểm 10, sau đó quy về thang điểm 4; mỗi bài được chấm điểm luôn bao gồm các phần điểm sau: Chuẩn bị bài (30%) + Kết quả bài tập (40%) + Kỹ năng báo cáo, trình bày, vấn đáp (30%).</p> <p>Điểm thực hành (seminar) = trung bình cộng điểm của từng bài</p> <p><i>Thi cuối kỳ:</i> Kết quả đạt là không dưới 4/10 điểm (1/4 điểm là trọng số điểm thực hành và 3/4 điểm là trọng số điểm lý thuyết).</p>
2	Hệ thận tiết niệu	<p>Kiến thức</p> <p>Cung cấp các kiến thức về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lý thường, sinh lý bệnh hệ thận- tiết niệu; một số triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng bệnh thường gặp trong</p>	3,5	3	<p>- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.</p> <p>- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm lý thuyết x</p>